LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT SƠN LA
SUSTA

BẢN TIN SỐ 56
NĂM 2025

BẢN TIN
TRÍ THỨC VỚI KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT SƠN LA

- ĐIỂM MỚI VÀ NỘI DUNG CỐT LÕI CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA.
- MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT HUY TRÍ TUỆ, TÂM HUYẾT CỦA TRÍ THỨC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ SƠN LA TRONG KỶ NGUYÊN MỚI.
- MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐỔI MỚI ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ R&D THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ.
- PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO: ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA SƠN LA TRONG THỜI KỲ MỚI.
- ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP GÓP PHẦN TĂNG CƯỜNG VĂN HÓA PHÊ BÌNH VÀ TỰ PHÊ BÌNH TRONG ĐẢNG TRƯỚC NHỮNG YÊU CẦU MỚI.
- MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA SAU 10 NĂM THỰC HIỆN CHỦ TRƯƠNG TRỒNG CÂY ĂN QUẢ TRÊN ĐẤT DỐC TẠI SƠN LA.
- THỰC TRẠNG NĂNG LỰC SỐ CỦA THANH NIÊN HIỆN NAY.
- ĐỨC TÍNH GIẢN DỊ CỦA BÁC HỒ.
- HÙA CHAỪ CÔN CỘNG SẢN - TRÁI TIM NGƯỜI CỘNG SẢN
- PHÁT HIỆN LOÀI THẰN LẰN BÓNG MỚI CHO KHOA HỌC Ở VÙNG TÂY BẮC, VIỆT NAM.

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT SƠN LA

Bản tin Trí thức với Khoa học & Công nghệ là cơ quan ngôn luận của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Sơn La, là diễn đàn của giới trí thức Khoa học công nghệ Sơn La. Ấn phẩm được phát hành trên Website http://www.susta.vn.

- Địa chỉ: Số 56A - Đường Lò Văn Giá, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La

- Điện thoại: 0212.3858268

- Email: lienhiephoisonla@gmail.com

***

SON LA UNION OF SCIENCE AND TECHNOLOGY ASSOCIATIONS (SUSTA)

Knowledge with Science & Technology Bulletin is the official organ of Son La Union of Science and Engineering Associations, a forum of Son La science and technology intellectuals. The publication is posted on the website http://www.susta.vn.

- Address: No. 56A - Lo Van Gia Road (Chieng Le Ward) - Son La City.

- Phone: 0212.3858268

- Email: lienhiephoisonla@gmail.com

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
PHẠM THỊ HÀ
Chủ tịch Liên hiệp hội Sơn La

BAN BIÊN TẬP
Vũ Thị Minh Nguyệt
Nguyễn Minh Đức
Trần Tuấn Đạt
Nguyễn Hữu Đức
Phan Hải Thành
Nguyễn Thị Hà

BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Trần Tuấn Đạt

SỬA BẢN IN
Vũ Thị Minh Nguyệt

Chế bản điện tử tại Công ty TNHH TM & DV Châu Ngọc. Địa chỉ: PG2-12 Vincom, Tổ 3, Phường Quyết Thắng, Thành phố Sơn La.

BẢN TIN TRÍ THỨC VỚI KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT SƠN LA

NỘI DUNG

NGHIÊN CỨU & TRAO ĐỔI

- Điểm mới và nội dung cốt lõi của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. 1
- Một số giải pháp phát huy trí tuệ, tâm huyết của trí thức khoa học công nghệ sơn la trong kỷ nguyên mới. 6
- Một số vấn đề đổi mới đầu tư và quản lý R&D theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị 11
- Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Động lực phát triển bền vững của Sơn La trong thời kỳ mới. 17
- Đề xuất giải pháp góp phần tăng cường văn hóa phê bình và tự phê bình trong Đảng trước những yêu cầu mới. 21
- Một số vấn đề đặt ra sau 10 năm thực hiện chủ trương trồng cây ăn quả trên đất dốc tại Sơn La. 25

Thực trạng năng lực số của thanh niên hiện nay. 30

- Đức tính giản dị của Bác Hồ. 34

VĂN HÓA - XÃ HỘI

- Hùa chaừ côn cộng sản - Trái tim người cộng sản. 37

MÔI TRƯỜNG

- Phát hiện loài thằn lằn bóng mới cho khoa học ở vùng Tây Bắc, Việt Nam. 39

Chú thích ảnh trang bìa 1:
Hội thảo tư vấn "Thực trạng và giải pháp về quản lý, bảo vệ và sử dụng các nguồn nước trên địa bàn tỉnh Sơn La" do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức.

Điểm mới và nội dung cốt lõi của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Nguyễn Tiến Việt
Phó trưởng Ban Tuyên giáo Dân vận Tỉnh uỷ

Ngày 22/12/2024, đồng chí Tô Lâm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng thay mặt Bộ Chính trị ký ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Nghị quyết được ban hành vào thời điểm rất đặc biệt, khi mà Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ với sự phát triển vượt bậc của công nghệ số, nhất là công nghệ trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, công nghệ lượng tử, công nghệ tự động hóa. Trong vài năm gần đây, những vấn đề này đã và đang tác động rất nhanh, rất mạnh đối với mọi người, mọi mặt của đời sống xã hội, làm thay đổi toàn diện phương thức sống, cách con người làm việc, cách con người giao tiếp, trao đổi thông tin với nhau. KHCN, ĐMST và CĐS đã trở thành yếu tố quyết định phát triển của các quốc gia. Chính phủ các quốc gia ngày càng chú trọng phát triển kinh tế xã hội dựa trên KHCN, ĐMST và CĐS; kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh đang là mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa chọn.

1. Về ý nghĩa, vai trò của Nghị quyết: Đây là văn bản có ý nghĩa rất quan trọng, thể hiện tầm nhìn chiến lược của Đảng ta, đánh dấu bước chuyển mình quan trọng của đất nước trong lĩnh vực KHCN, ĐMST và CĐS.

Nghị quyết là kim chỉ nam cho sự phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên phát triển giàu mạnh, văn minh, thịnh vượng. Nghị quyết cũng là lời hiệu triệu mạnh mẽ toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta cùng nỗ lực đưa nước ta trở thành quốc gia phát triển, có thu nhập cao, có năng lực cạnh tranh toàn cầu. Đảng ta đặt ra mục tiêu xây dựng một nền kinh tế phát triển bền vững, dựa trên ĐMST và CĐS. Đến năm 2045, nước ta hướng tới đạt tốc độ tăng trưởng GDP ổn định ở mức cao, với chất lượng và giá trị gia tăng được nâng cao. Mô hình phát triển sẽ chuyển từ tăng trưởng dựa vào tài nguyên và lao động giá rẻ sang tăng trưởng dựa vào công nghệ, trí tuệ nhân tạo và các ngành công nghiệp sáng tạo.

Bên cạnh đó, Nghị quyết còn có vai trò, tác động rất lớn, đó là truyền cảm hứng, tạo sự kết nối, nâng cao ý thức trách nhiệm của toàn dân, của các nhà khoa học, của toàn thể cán bộ, đảng viên tiếp tục cống hiến, đóng góp trực tiếp vào sự phát triển của đất nước.

2. KHCN, ĐMST và CĐS đóng vai trò then chốt, là động lực mạnh mẽ để chúng ta phát triển tăng tốc, bứt phá, bền vững:

(1) Giúp Việt Nam bắt kịp, tiến cùng các nước phát triển, tránh nguy cơ tụt hậu kinh tế, từng bước vượt lên, sánh vai cùng các cường quốc về công nghệ.

(2) Là chìa khóa để nâng cao năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế, tạo ra sản phẩm, dịch vụ mới, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế.

(3) Tối ưu hóa quy trình sản xuất, kinh doanh, quản lý nhà nước; thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, kinh tế xanh, phù hợp với xu thế chung của thế giới.

(4) Góp phần bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, an sinh xã hội, mang lại lợi ích thiết thực cho mọi người dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam phồn vinh, thịnh vượng.

3. Trong suốt sự nghiệp cách mạng, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến sự phát triển khoa học, công nghệ. Ngày 18/5/1963, tại Đại hội Đại biểu Hội Phổ biến khoa học và kỹ thuật Việt Nam toàn quốc lần thứ Nhất (Nay là Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo rất sâu sắc rằng ***"Khoa học phải từ sản xuất mà ra và phải trở lại phục vụ sản xuất, phục vụ quần chúng, nhằm nâng cao năng suất lao động và không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân, bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi".***

Đây chính là phương châm của Bác về tổ chức nghiên cứu khoa học; đó là khoa học phải gắn với nhiệm vụ, với đời sống xã hội, khoa học phải gắn với thực tiễn, phải từ thực tiễn và quay lại phục vụ chính thực tiễn, đáp ứng nhu cầu của sản xuất, phục vụ sản xuất, nhằm nâng cao năng suất lao động, nâng cao đời sống vật chất của nhân dân. Chỉ có năng suất lao động cao mới thúc đẩy kinh tế phát triển. Do vậy, trong các thời kỳ thực hiện kế hoạch 5 năm về phát triển kinh tế, Bác của chúng ta chú trọng đề ra các chủ trương, chính sách xây dựng, phát triển KHKT.

Trong kháng chiến, nhiều nhà khoa học nổi tiếng đã có các công trình nghiên cứu, ứng dụng KHCN trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là chế tạo, cải tiến vũ khí chống giặc ngoại xâm, chữa bệnh cho cán bộ, chiến sỹ và nhân dân ta. Tiêu biểu như Giáo sư Tạ Quang Bửu; Anh hùng Lao động, Thiếu tướng, Giáo sư, Viện sĩ Trần Đại Nghĩa; Giáo sư Tôn Thất Tùng v.v.

4. Kể từ khi đất nước thống nhất, đặc biệt là từ khi tiến hành công cuộc Đổi mới đến nay, Đảng ta ngày càng quan tâm hơn và xác định tầm quan trọng, vai trò, vị trí hàng đầu của KHCN đối với phát triển KT-XH gắn với đẩy nhanh tiến trình CNH, HĐH đất nước.

5. Thực hiện các chủ trương, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, sự nghiệp phát triển KHCN, ĐMST, CĐS đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, đóng góp quan trọng vào phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững đất nước.

KHCN thúc đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH đất nước, ngày càng khẳng định rõ hơn vai trò động lực trong phát triển KT-XH, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền KT. Trong lĩnh vực KHTN, KHKT&CN có nhiều tiến bộ; nhiều công trình nghiên cứu đã có đóng góp lớn cho phát triển KT-XH, nhất là các lĩnh vực nông nghiệp, y học, dược học, năng lượng, dầu khí, cơ khí, chế tạo, quân sự, an ninh... Trong lĩnh vực KHXH&NV có nhiều đóng góp tích cực cho việc cung cấp luận cứ trong vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; hoạch định đường lối, chính sách phát triển đất nước và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

6. Tiềm lực KHCN đã được tăng cường. Các tổ chức KHCN và đội ngũ cán bộ KHCN phát triển cả về số lượng và chất lượng, là lực lượng đi đầu trong nghiên cứu, ứng dụng KHCN và ĐMST. Quản lý nhà nước, cơ chế, chính sách về phát triển, quản lý KHCN được tiếp tục đổi mới:

Đã hình thành hành lang pháp lý tạo thuận lợi cho việc phát triển hệ thống ĐMST quốc gia; hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST bắt đầu phát triển. Trung tâm ĐMST Quốc gia được thành lập tháng 10/2019, đi vào hoạt động bước đầu phát huy hiệu quả, từng bước khẳng định vai trò đầu mối quốc gia về ĐMST, là đơn vị dẫn dắt kết nối hệ sinh thái ĐMST hoàn chỉnh cho Việt Nam. Việt Nam thuộc nhóm đầu các quốc gia ban hành Chiến lược chuyển đổi số quốc gia. Hệ thống tổ chức quản lý nhà nước và khuôn khổ pháp lý cho công nghệ thông tin, chuyển đổi số tiếp tục được hoàn thiện.

7. Về nội dung chính của Nghị quyết 57-NQ/TW, gồm quan điểm chỉ đạo, mục tiêu cần đạt được, các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện. Ở đây, về quan điểm, Nghị quyết xác định 05 nhóm quan điểm chỉ đạo.

Thứ nhất, Bộ Chính trị khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của KHCN, ĐMST và CĐS quốc gia, xác định rõ đây là ***đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính*** để phát triển nhanh LLSX hiện đại, hoàn thiện QHSX, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển KT-XH, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

Điểm mới ở đây là xác định rõ vai trò ***"là động lực chính"*** đồng thời đã gắn kết phát triển KHCN, ĐMST và CĐS với đổi mới phương thức quản trị quốc gia, xem KHCN, ĐMST và CĐS là công cụ quan trọng để thực hiện "đổi mới" theo hướng hiện đại, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia. Đề án 06 về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử do Bộ Công an chủ trì là minh chứng rõ nét trong triển khai thực hiện đổi mới phương thức quản trị quốc gia nêu trong quan điểm thứ nhất này.

Thứ hai, Nghị quyết chỉ rõ tính cách mạng, toàn dân, toàn diện của sự nghiệp phát triển KHCN, ĐMST và CĐS quốc gia, trong đó, yêu cầu phải tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân.

Xác định đây là cuộc cách mạng sâu sắc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực; được triển khai ***quyết liệt, kiên trì, đồng bộ, nhất quán, lâu dài.*** Người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, nguồn lực, động lực chính; nhà khoa học là nhân tố then chốt; Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt.

Thứ ba, Bộ Chính trị xác định các nội dung cốt lõi của cuộc cách mạng này, bao gồm: ***thể chế, nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và công nghệ chiến lược,*** trong đó thể chế là điều kiện tiên quyết, cần hoàn thiện và đi trước một bước. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật bảo đảm yêu cầu quản lý và khuyến khích đổi mới sáng tạo, ***loại bỏ tư duy "không quản được thì cấm"***. Tổng Bí thư Tô Lâm rất nhiều lần nhấn mạnh vấn đề này**.**

Thứ tư, Nghị quyết xác định rõ quan điểm phát triển nhanh và bền vững, từng bước tự chủ về công nghệ, nhất là công nghệ chiến lược; ưu tiên nguồn lực quốc gia đầu tư cho phát triển KHCN, ĐMST và CĐS.

Phát huy tối đa tiềm năng, trí tuệ Việt Nam gắn với nhanh chóng tiếp thu, hấp thụ, làm chủ và ứng dụng thành tựu KHCN tiên tiến của thế giới; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chú trọng nghiên cứu cơ bản, tiến tới tự chủ và cạnh tranh về công nghệ ở một số lĩnh vực nước ta có nhu cầu, tiềm năng, lợi thế.

Thứ năm, Nghị quyết đặt ra yêu cầu xuyên suốt, không tách rời là phải bảo đảm chủ quyền quốc gia trên không gian mạng; bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin của tổ

chức và cá nhân. Đây là vấn đề đặc biệt quan trọng để đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, an ninh, an toàn. Ngày nay vấn đề bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh mạng là vấn đề rất quan trọng, Bộ Công an thành lập Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Bộ Quốc phòng thành lập Bộ Tư lệnh Tác chiến không gian mạng.

8. Nghị quyết nêu 5 nhóm mục tiêu đến năm 2030

- *Nhóm mục tiêu thứ nhất,* mang tính định hướng về tiềm lực, trình độ KHCN và ĐMST và đặt ra mục tiêu cụ thể là Việt Nam thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu Đông Nam Á, nhóm 50 nước đứng đầu thế giới về năng lực cạnh tranh số và chỉ số phát triển Chính phủ điện tử.

- *Nhóm mục tiêu thứ 2,* đề ra một số mục tiêu cụ thể về hiệu quả kinh tế - xã hội, đó là đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 55%; tỉ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu đạt tối thiểu 50%. Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GDP. Tỉ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80%; giao dịch không dùng tiền mặt đạt 80%. Chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,7.

- *Nhóm mục tiêu thứ 3,* nhằm xác định rõ nội dung về nguồn lực thực hiện; trước hết là về kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2% GDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm hơn 60%; bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển KHCN, ĐMST và CĐS quốc gia và tăng dần theo yêu cầu phát triển. Đây là mục tiêu rất quan trọng nhằm bảo đảm nguồn lực tài chính cho sự phát triển "đột phá" của KHCN, ĐMST và CĐS trong giai đoạn mới.

- *Nhóm mục tiêu thứ 4,* tập trung đề cập đến các mục tiêu về phát triển hạ tầng và những công nghệ chiến lược trọng tâm, đó là hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng ngang tầm các nước tiên tiến; từng bước làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số. Phủ sóng 5G toàn quốc. Đối với hạ tầng đô thị, hoàn thành xây dựng đô thị thông minh đối với các thành phố trực thuộc Trung ương và một số tỉnh, thành phố có đủ điều kiện.

- *Nhóm mục tiêu thứ 5,* quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số. Nghị quyết cũng đặt mục tiêu đạt mức cao của thế giới đối với phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hoá số. Chú trọng đến mục tiêu quan trọng và có tính xuyên suốt đó là Việt Nam thuộc nhóm các nước dẫn đầu về an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu.

9. *Tầm nhìn đến năm 2045,* phù hợp với mục tiêu chung về phát triển đất nước nêu trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII, Nghị quyết đề ra tầm nhìn đến năm 2045 là KHCN, ĐMST và CĐS phát triển vững chắc, góp phần đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao.

Đồng thời đặt ra các mục tiêu cao hơn trong giai đoạn đến năm 2045 là Việt Nam có quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GDP; là một trong các trung tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực và thế giới; thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu thế giới về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Tỉ lệ

doanh nghiệp công nghệ số tương đương các nước phát triển; tối thiểu có 10 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến. Thu hút thêm ít nhất 5 tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam.

10. Về nhiệm vụ, giải pháp, Nghị quyết 57-NQ/TW xác định 07 nhóm nhiệm vụ và giải pháp, nhiều nhiệm vụ có tính cách mạng, đột phá để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, bao gồm một số trọng tâm như sau:

Nhóm nhiệm vụ, giải pháp thứ nhất: Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Nhóm nhiệm vụ, giải pháp thứ 2: Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- *Nhóm nhiệm vụ, giải pháp thứ 3:* Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đối mới sáng tạo và chuyến đổi số quốc gia

Nhóm nhiệm vụ, giải pháp thứ 4: Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyến đối sổ quốc gia

- *Nhóm nhiệm vụ, giải pháp thứ 5:* Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đối mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

Nhóm nhiệm vụ, giải pháp thứ 6: Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

Nhóm nhiệm vụ, giải pháp thứ 7: Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

11. Về tổ chức thực hiện, Bộ Chính trị quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, do đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng làm Trưởng Ban và thành lập Hội đồng Tư vấn quốc gia về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với sự tham gia của các chuyên gia trong và ngoài nước. Việc này thể hiện quyết tâm chính trị rất cao của Bộ Chính trị, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm trong sự nghiệp phát triển KHCN, ĐMST và CĐSQG trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Tại Hội nghị toàn quốc về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, do Bộ Chính trị, Ban Bí thư tổ chức ngày 13/01/2025 tại Hội trường Diên Hồng (Nhà Quốc hội) được kết nối trực tuyến đến hơn 15.000 điểm cầu trên toàn quốc, với 1 triệu đại biểu tham dự. Tổng Bí thư Tô Lâm dự và phát biểu chỉ đạo, đồng chí yêu cầu để đạt mục tiêu trở thành nước công nghiệp hiện đại vào năm 2030 và nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045, chúng ta phải coi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chủ chốt. Đây chính là "chìa khóa vàng", là yếu tố sống còn để vượt qua bẫy thu nhập trung bình và nguy cơ tụt hậu, đồng thời hiện thực hóa khát vọng hùng cường và thịnh vượng của dân tộc ta, Tổng Bí thư cho rằng Nghị quyết 57-NQ/TW được ban hành đã tháo gỡ rào cản, khắc phục điểm nghẽn và tạo cơ chế đột phá để giải phóng sức sáng tạo, nguồn lực, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số quốc gia./.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT HUY TRÍ TUỆ, TÂM HUYẾT CỦA TRÍ THỨC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ SƠN LA TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

Trong mọi thời đại và trong mọi xã hội trí thức luôn là nền tảng của tiến bộ xã hội, là nhân tố duy trì, tiếp nối và phát triển nền văn hiến của dân tộc, của quốc gia. Ngày nay, giá trị và vai trò của đội ngũ trí thức được xem là một nguồn lực đặc biệt quan trọng cho phát triển nền kinh tế tri thức và xã hội số, là một trong những chỉ số cơ bản xác định sức mạnh cạnh tranh quốc gia trong thế giới toàn cầu hóa. Thời gian qua, Đảng, Nhà nước ta đã khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của trí thức, nhân tài trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, nhất là trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, có nhiều chủ trương, chính sách đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để tạo xung lực mới, đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đưa đất nước phát triển mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên giàu mạnh, hùng cường, đặc biệt, Nghị quyết số 57-NQ/TW được ban hành vào ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, tiếp tục thể hiện quyết tâm chính trị mạnh mẽ của Đảng và Nhà nước trong việc thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Tổng Bí thư Tô Lâm đã phát biểu, khẳng định tại cuộc gặp mặt đại biểu trí thức, nhà khoa học toàn quốc ngày 30/12/2024: "*Trí thức là lực lượng đại diện cho trí tuệ, tài năng của nhân dân và dân tộc, là một trong những nguồn lực và động lực quan trọng nhất mang lại sự đột phá và sự phồn vinh cho đất nước*". Thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong những năm qua, đội ngũ trí thức tỉnh Sơn La đã không ngừng lớn mạnh, phát triển nhanh cả về số lượng, chất lượng, có nhiều đóng góp quan trọng vào sự phát triển chung của đất nước.

1. Thực trạng đội ngũ trí thức Khoa học và công nghệ của tỉnh.

Theo báo cáo số 337-BC/TU, ngày 14/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 06/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, đến năm 2022, đội ngũ trí thức toàn tỉnh có khoảng 59.958 người; trong đó: Trí thức là cán bộ, công chức và viên chức là 36.434 người; trí thức làm việc trong các doanh nghiệp, các tổ chức ngoài Nhà nước là 23.524 người. Toàn tỉnh có 34.630 trí thức có trình độ đại học và trên đại học; trong đó có: 09 phó giáo sư; 194 tiến sĩ; 48 bác sĩ chuyên khoa II; 290 bác sĩ chuyên khoa I; 2.072 thạc sĩ. Trong đó Trí thức khoa học công nghệ thuộc các tổ chức khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh là: 14.482 người *(học hàm phó giáo sư 26 người; học vị tiến sĩ: 429 người; thạc sĩ: 4.479 người; đại học: 4.898 người; cao đẳng: 755 người; trung cấp: 2.086 người và trình độ khác 1.809 người)*.

Toàn tỉnh có 01 trường đại học là Đại học Tây Bắc, 03 trường cao đẳng và 02 trường trung cấp; có 08 tổ chức khoa học và công nghệ, 12

doanh nghiệp được chứng nhận là doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Tiềm lực khoa học và công nghệ từng bước được nâng lên, các thiết bị phục vụ cho chuyển giao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, bảo tồn quỹ gien... Được quan tâm, đầu tư.

Đội ngũ trí thức khoa học, công nghệ đã phát huy tốt vai trò nòng cốt trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối, Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tạo các bước đột phá về nhiều mặt trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nhiều trí thức trẻ thể hiện tính năng động sáng tạo, thích ứng nhanh với kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Tỷ lệ đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học ngày càng tăng, các nhiệm vụ Khoa học và công nghệ do trí thức chủ trì nghiên cứu đã góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng và nhân rộng các mô hình ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị các sản phẩm chủ lực và đề ra các chủ trương, chính sách và điều chỉnh chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tỉnh trong giai đoạn hiện nay.

Trong giai đoạn 2012-2022, trên địa bàn tỉnh triển khai 135 nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ. Trong đó: 111 đề tài và 24 dự án sản xuất thử nghiệm được triển khai toàn diện trên các lĩnh vực nông nghiệp *(58 nhiệm vụ);* xã hội nhân văn, y tế, giáo dục *(59 nhiệm vụ)*; lĩnh vực kỹ thuật công nghệ *(18 nhiệm vụ)*. Tập trung triển khai các nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ nhằm nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ để giải quyết vấn đề mang tính đột phá góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nhất là các hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực nông nghiệp có đóng góp quan trọng trong việc nâng cao năng suất, chất lượng một số cây trồng, vật nuôi và sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Các chính sách phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, tạo động lực cho nhân dân phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa có chất lượng, giá trị sản phẩm cao, được nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh đồng tình, ủng hộ, tạo nên khí thế mạnh mẽ trong việc phát triển sản xuất, người dân từng bước tiếp cận và ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, hình thành những sản phẩm hàng hóa tập trung, tạo ra sản phẩm nông nghiệp có năng suất, chất lượng và giá trị cạnh tranh cao đáp ứng nhu cầu tiêu thụ, xuất khẩu.

Kết quả của các đề tài xã hội sau khi nghiệm thu kết thúc phục vụ công tác quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực góp phần nâng cao chất lượng cải cách hành chính; tham mưu có hiệu quả nhiệm vụ kiện toàn, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh; xây dựng quy hoạch và phát triển du lịch; nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh; các giải pháp về quản lý giáo dục, đào tạo, định hướng lao động việc làm; các giải pháp trong lĩnh vực y tế góp phần nâng cao năng lực khám chữa bệnh tuyến y tế cơ sở trên địa bàn tỉnh. Các đề tài lĩnh vực xã hội nhân văn sau khi nghiệm thu đã được xuất bản thành sách để tuyên truyền giáo dục truyền thống văn hóa, tập trung vào việc bảo tồn và phát huy bản sắc các dân tộc phục vụ phát triển du lịch.

Đội ngũ trí thức Khoa học công nghệ có đóng góp quan trọng trong việc triển khai ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ vào

sản xuất, góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững, phù hợp với quá trình phát triển của xã hội, tạo ra công ăn việc làm cho nhiều lao động, góp phần quan trọng trong việc nâng cao năng suất, chất lượng một số cây trồng, vật nuôi và sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tỷ lệ giá trị sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm ứng dụng công nghệ cao trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp của tỉnh được nâng cao.

Ngoài ra đội ngũ trí thức Khoa học và công nghệ tích cực tham gia công tác tư vấn, phản biện và giám định xã hội vào các chủ trương chính sách của tỉnh. Hằng năm Liên hiệp Hội Khoa học Kỹ thuật tỉnh đã tập hợp, phát huy vai trò, trí tuệ của đội ngũ trí thức trong tỉnh tham gia vào 5- 6 nhiệm vụ tư vấn, phản biện và giám định xã hội, góp phần hoàn thiện các chủ trương, chính sách, chương trình, đề án, dự án kinh tế - xã hội, đóng góp vào sự phát triển chung của tỉnh và tham gia đóng góp 8-10 dự án luật theo đề nghị của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, các ý kiến tư vấn của trí thức khoa học và công nghệ được tiếp thu và đánh giá cao.

Ghi nhận, tôn vinh những trí thức có đóng góp thiết thực, hiệu quả vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hằng năm, Liên hiệp Hội chủ trì tổ chức Chương trình gặp mặt, tôn vinh trí thức tiêu biểu, điển hình lao động sáng tạo. Trong 5 năm

Ảnh: Đ/c Lường Thị Vân Anh - Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ - Chủ nhiệm Uỷ ban kiểm tra Tỉnh uỷ - tại Lễ tôn vinh Trí thức Khoa học Công nghệ tiêu biểu năm 2022

Ảnh: Đại biểu được tôn vinh trí thức tiêu biểu, điển hình lao động sáng tạo năm 2021

qua, đã tôn vinh 157 đại biểu đạt tiêu chí tôn vinh trong đó có 02 đại biểu trí thức được Liên hiệp Hội Việt Nam tôn vinh trí thức Khoa học công nghệ tiêu biểu.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, việc phát huy trí tuệ của trí thức khoa học và công nghệ của tỉnh còn khó khăn, hạn chế, đó là: Nguồn lực trí thức khoa học và công nghệ của tỉnh còn hạn chế về số lượng và chất lượng; thiếu các chuyên gia giỏi, cán bộ có trình độ chuyên môn cao để triển khai nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ cao vào thực tiễn. Mối liên kết giữa nghiên cứu và đào tạo, giữa nghiên cứu với thị trường, giữa nhà khoa học với doanh nghiệp chưa phát huy hiệu quả. Tốc độ đổi mới công nghệ và thiết bị của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Một số đề tài, chương trình, mô hình chưa đem lại kết quả cao trong thực tiễn nên chưa tạo được động lực để nhân rộng trên địa bàn. Hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn. Việc sử dụng trí thức có nơi chưa phù hợp với năng lực, trình độ làm ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công việc và chưa phát huy tối đa năng lực của đội ngũ trí thức. Việc trí thức tham gia tư vấn, phản biện những chủ trương, chính sách, đề án, dự án của tỉnh còn hạn chế.

2. Một số giải pháp phát huy trí tuệ và tâm huyết trí thức khoa học và công nghệ trong kỷ nguyên mới

Bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Sơn La xác định đặt trọng tâm vào các mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và kinh tế số, với động lực cốt lõi là khoa

học công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, để thực hiện được nhiệm vụ trọng tâm đó, trí thức khoa học công nghệ có vai trò hết sức quan trọng, như tỉnh xác định: Xây dựng đội ngũ trí thức lớn mạnh với số lượng gắn với chất lượng, có cơ cấu hợp lý, tham gia trực tiếp và khẳng định vai trò đối với thực hiện mục tiêu xây dựng đất nước phát triển nhanh và bền vững, chủ yếu dựa vào khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xây dựng Sơn La trở thành cực tăng trưởng của tiểu vùng Tây Bắc. Để khai thác tối đa tiềm năng của đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh một cách bền vững và hiệu quả, cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Một là, có các cơ chế, chính sách đặc thù thu hút chuyên gia giỏi, chuyên gia đầu ngành về tỉnh tham gia nghiên cứu, phát triển những lĩnh vực, ngành có vai trò đột phá; chính sách về tập hợp, phát huy trí tuệ của trí thức khoa học và công nghệ Sơn La ở ngoài tỉnh tham gia các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chính sách khuyến khích đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ trẻ tăng cường về cơ sở, nhất là các địa bàn vùng cao, biên giới, vùng đặc biệt khó khăn; tạo môi trường thuận lợi để trí thức phát huy năng lực, trí tuệ, cống hiến, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

Hai là, tiếp tục quan tâm đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo về số lượng, chất lượng. Có các cơ chế, chính sách đãi ngộ, tôn vinh các trí thức khoa học và công nghệ có cống hiến cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Ba là, đầu tư xây dựng các cơ sở nghiên cứu hiện đại đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, triển khai và ứng dụng khoa học và công nghệ; đặt hàng nhiệm vụ khoa học công nghệ, chương trình, dự án *(tập trung vào nội dung khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong công tác quản lý, điều hành công việc, sản xuất nông nghiệp)* các đơn vị Khoa học công nghệ, đội ngũ trí thức khoa học công nghệ có năng lực, kinh nghiệm, uy tín chủ trì thực hiện nhiệm vụ. Đổi mới cơ chế thanh quyết toán tài chính đối với các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học, tạo điều kiện cho trí thức tập trung nghiên cứu và sáng tạo.

Bốn là, tạo môi trường làm việc và phát huy năng lực trí thức khoa học và công nghệ: Bố trí sử dụng trí thức đúng với trình độ chuyên môn và năng lực. Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật tối đa nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp, như phòng làm việc, trang thiết bị, máy móc hiện đại, phương tiện đi lại, cơ sở nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thư viện.

Tôn trọng, lắng nghe trí thức: Tạo điều kiện để trí thức trao đổi học thuật, tranh luận khoa học, phản biện xã hội. Trân trọng các ý kiến, các công trình nghiên cứu của trí thức; đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ trong công bố và sử dụng các kết quả nghiên cứu, phát minh. Tạo điều kiện để trí thức có thể trao đổi khoa học, giao lưu học hỏi trong và ngoài nước về những vấn đề chuyên môn.

Năm là, Đẩy mạnh phong trào thi đua sáng tạo, cải tiến kỹ thuật trong cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân, người lao động nhằm đổi mới thiết bị, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất, nâng cao chất lượng công việc, góp phần phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích các doanh nghiệp tham gia các giải thưởng về sở hữu trí tuệ, các cuộc thi sáng tạo trên địa bàn tỉnh và cả nước.

(Xem tiếp trang 16)

MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐỔI MỚI ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ R&D THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Phan Đức Ngữ - Chuyên viên cao cấp

Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ (KHCN), đổi mới sáng tạo (ĐMST) và chuyển đổi số quốc gia (CĐS), đã đặt ra mục tiêu cụ thể về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đến năm 2030. Riêng mục tiêu nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) được xác định: Số lượng công bố khoa học quốc tế (đến năm 2030) tăng trung bình 10%/năm; số lượng đơn và văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 16 - 18%/năm, tỉ lệ khai thác thương mại đạt 8 - 10%; có từ 40 - 50 tổ chức KHCN (bao gồm cả DN KHCN) được xếp hạng khu vực và thế giới. Tại buổi gặp gỡ đại biểu trí thức, các nhà khoa học vào ngày 30/12/2024, đ/c Tổng Bí thư Tô Lâm còn đưa ra đề nghị là "sớm phấn đấu đến năm 2030 phải có 100 phát minh, sáng chế, công trình khoa học trong bảng xếp hạng của khoa học thế giới". Để thực hiện được các mục tiêu đó, Nghị quyết chủ trương tiếp tục đẩy mạnh cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, tháo gỡ các điểm nghẽn, phát huy năng lực nghiên cứu KHCN, đổi mới sáng tạo, tạo thành động lực quyết định để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững, chất lượng, hiệu quả.

Bài viết này góp phần làm rõ một số vấn đề về đổi mới đầu tư và quản lý, những điểm nghẽn cần tháo gỡ trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

1. Sản phẩm đặc trưng của R&D

Sản phẩm đặc trưng của R&D gồm 2 dạng: Một là kiến thức mới dưới hình thức công bố khoa học trên các tạp chí có uy tín trong nước và quốc tế, chuẩn chung là bài báo quốc tế; hai là sáng chế (*bao gồm cả bằng giải pháp hữu ích*). Công bố khoa học góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam, còn sáng chế, thương mại hóa và chuyển giao ứng dụng trực tiếp đóng góp vào tăng trưởng GDP.

Về công bố quốc tế, hiện nay đã có trên 19.000 công bố/năm, tăng trưởng bình quân trên dưới 15% (2015-2024), đã cao hơn chỉ tiêu, đứng thứ 5 khối Asean và thứ 50 thế giới (trong 131 nước xếp hạng). Đóng góp vào sự tăng trưởng này chủ yếu (80%) là các trường đại học và các nhiệm vụ nghiên cứu do Quỹ KHCN quốc gia tài trợ. Vấn đề là phần lớn công bố của ta đang đăng ở tạp chí uy tín trung bình trở xuống, còn các công bố đăng ở tạp chí uy tín cao chưa nhiều, hơn nữa, có hơn 50% công bố là đồng tác giả với người nước ngoài, còn thuần Việt chỉ chiếm dưới 50%. Công bố trong nước trên 15.000 bài báo khoa học ở đẳng cấp thấp hơn, trong đó có đến 80% chưa theo thông lệ quốc tế. Nâng cao chất lượng tạp chí trong nước cũng là vấn đề cần được quan tâm. Hiện tượng mua bán tên, trao đổi tên giữa các nhà khoa học trong nước và nước ngoài không còn là chuyện hiếm. Đây là những hạn chế cần được cải thiện.

Sáng chế (bao gồm giải pháp hữu ích) thì hạn chế hơn nhiều, hiện mới có trên 5.000 bằng, đứng thứ 5 khu vực và 78 thế giới, tăng trưởng trung bình trên dưới 10%/năm, như vậy còn phải nỗ lực phấn đấu mới đạt mục tiêu, nhất là tăng trưởng sáng chế của người Việt. Hiện nay sáng chế đăng ký tại nước ta chủ yếu là của người nước ngoài chiếm 90%, còn người Việt chỉ 10%. Tỷ lệ thương mại hóa sáng chế khoảng dưới 5%, trong khi bình quân của thế giới là 10-15%, của các nước phát triển là trên 30%.

Đáng suy nghĩ là, sản phẩm KHCN đạt được như trên trong điều kiện nước ta đã có trên 19 vạn người tham gia nghiên cứu, trong đó trên 30 ngàn tiến sĩ, 13 ngàn PGS, 3 ngàn GS, tăng hơn 5%/năm (2015-2024), đứng đầu khối Asean và thứ 25 thế giới. Vốn đầu tư xã hội cho R&D tuy còn hạn chế, nhưng cũng đã đạt trên 50 ngàn tỷ đồng, tăng trưởng gần 20%/năm. Như vậy, R&D của Việt Nam tuy có xu hướng tăng trưởng khá dần lên, nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu cạnh tranh phát triển của đất nước và cũng chưa tương xứng với với tiềm lực KHCN, nhất là về sáng chế. Dẫn đến nước ta vẫn đang phụ thuộc chủ yếu vào công nghệ nước ngoài. Ngành nông nghiệp phụ thuộc tới 80-95% về giống, các ngành khác chủ yếu vẫn đang sử dụng công nghệ nhập nội. Sản xuất và xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên 90% là khối FDI. Đáng buồn nhất là trong đại dịch Covid 19, nhà nước đã đầu tư 50 tỷ đồng để nghiên cứu sản xuất vaccine, 19 tỷ đồng để nghiên cứu sản xuất que thử test, nhưng đều không thành công, thậm chí đề tài 19 tỷ đã trở thành đại án vi phạm pháp luật, nhiều cán bộ khoa học và quản lý đã rơi vào vòng lao lý.

2. Đổi mới đầu tư vào quản lý và tháo gỡ các điểm nghẽn

Cùng với việc đặt ra mục tiêu, Nghị quyết số 57-NQ/TW cũng định hướng tăng nguồn lực đầu tư cho R&D. Đến năm 2030, nguồn vốn xã hội đạt 2% GDP, hiện mới đạt khoảng 0,6%, còn thấp so với mặt bằng chung trong khu vực và thế giới cũng như chỉ tiêu đặt ra. Cơ cấu (ngoài nhà nước/nhà nước) đã vượt tỷ lệ 60/40. Ngân sách chi cho R&D, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chỉ tiêu đặt ra là 3% tổng chi ngân sách, hiện riêng chi cho R&D đã đạt gần 2% (kể cả khu vực quốc phòng và an ninh). Nhân lực R&D, ĐMST, CĐS bảo đảm 12 người trên 1 vạn dân. Nhân lực KHCN, ĐMST, CĐS đạt 12 người/1 vạn dân cũng không quá cao. Vì hiện nay, riêng nhân lực tham gia R&D đã trên 16 người, quy đổi theo thời gian toàn phần cũng đã trên 9 người. Như vậy, chỉ tiêu tăng nguồn lực cho R&D là không quá cao, nên rất khả thi. Vấn đề là hiệu quả sử dụng các nguồn lực.

Kinh tế tư nhân mới đây đã được Đảng xác định là một động lực quan trọng nhất để phát triển nền kinh tế quốc dân (Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị). R&D khu vực tư nhân đã và đang trở thành xu hướng chiến lược và động lực, nhất là về công nghệ cao. Vốn ngoài ngân sách nhà nước từ chỗ 10-20% tổng mức xã hội (cách đây 15-20 năm), hiện nay đã chiếm ưu thế (64%). Nhiều tập đoàn lớn đã đầu tư hàng ngàn tỷ đồng cho R&D. Giải thưởng KHCN lớn nhất (3 triệu USD/năm) cũng là của Doanh nghiệp tư nhân (Tập đoàn Vingroup). Công bố khoa học trong nước và quốc tế chủ yếu (trên 80%) đến từ các trường đại học và các nghiên cứu độc lập của cá nhân bằng nguồn vốn ngoài ngân sách. Sáng chế chủ yếu (trên 90%) đến từ doanh nghiệp và cá nhân. Xuất khẩu công nghệ cao 90% là khối doanh

Ngày 27.3.2025, Tập đoàn FPT khai trương trung tâm R&D công nghệ cao và chip bán dẫn tại khu công viên phần mềm số 2 (Đà Nẵng). Ảnh: didongvietnam.net

nghiệp FDI. Nhiều nhà khoa học chân đất có hàng chục sáng chế được ứng dụng rộng rãi trong nước và xuất khẩu. Người có nhiều sáng chế nhất trong nước (trên 110 sáng chế), được ứng dụng rộng rãi và xuất khẩu và đạt nhiều giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế, được trao tặng Giải thưởng Nhà nước và Giải thưởng Hồ Chí Minh về KHCN, được tặng thưởng danh hiệu anh hùng lao động thời kỳ đổi mới, được trao bằng Tiến sĩ danh dự và Viện sĩ danh dự quốc tế là doanh nhân (Ông Hoàng Đức Thảo, Giám đốc công ty cấp thoát nước tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Đơn vị có nhiều bằng sáng chế nhất trong nước (trên 500 đơn và gần 100 bằng) và nhiều bằng quốc tế nhất (trên 20 bằng) cũng là doanh nghiệp (Viettel). Vấn đề đáng quan tâm là sáng chế đăng ký tại Việt Nam, có đến 90% là của người nước ngoài, còn của người Việt mới chiếm 10%. Có thể nói, R&D khu vực tư có ưu việt là bám sát, gắn bó với thực tiễn cuộc sống và thị trường, theo đuổi mục tiêu thương mại hóa sản phẩm, ứng dụng và chuyển giao ứng dụng kết quả nghiên cứu.

Để tăng tỷ lệ đầu tư/GDP thì phải huy động chủ yếu nguồn ngoài nhà nước. Có thể thúc đẩy tăng số doanh nghiệp trích lập quỹ KHCN, hiện nay mới có 0,06%. Mặt khác, nguồn vốn của doanh nghiệp tuy chưa lớn (mới trên 35 ngàn tỷ đồng), nhưng rất khó giải ngân, tồn đọng lớn trên 50%. Một phần là do nhiều doanh nghiệp mới tiếp cận R&D. Một phần là do quy trình, thủ tục R&D vẫn đang thực hiện theo quy định chung (như khu vực công lập). Điều này là bất hợp lý, cản trở R&D khu vực tư nhân. Hướng tháo gỡ là khuyến khích, đẩy mạnh hợp tác giữa các nhà khoa học, tổ chức KHCN với doanh nghiệp. Đồng thời quy trình, thủ tục nghiên cứu trong khu vực tư nhân phải được quy định, hướng dẫn phù hợp, phát huy được tính tự chủ của doanh nghiệp.

Điểm nghẽn lớn nhất cần được tháo gỡ toàn diện, triệt để hơn là mô hình đầu tư và quản lý R&D khu vực công lập. Vốn khu vực này mấy năm gần đây tuy giảm về tỷ trọng trong tổng vốn xã hội, nhưng vẫn tăng đều bình quân trên 10%/năm và đã đạt 15 ngàn tỷ đồng (2024), chưa kể vốn đầu tư tăng cường tiềm lực cũng lớn tương đương. Số nhiệm vụ KHCN các cấp khoảng 3.000 đề tài/năm. Bình quân 1 đề tài cấp quốc gia được đầu tư khoảng 4 tỷ đồng, đề tài cấp bộ 1,5 tỷ đồng, đề tài cấp tỉnh 1 tỷ đồng. Nhưng kết quả nghiên cứu của các đề tài do ngân sách đầu tư chỉ chiếm khoảng 10% về công bố khoa học và khoảng 2% về sáng chế, còn lại hầu hết là ngoài đề tài nhà nước đầu tư (các nghiên cứu độc lập của các trường đại học, các nghiên cứu theo chức năng thường xuyên của viện, trung tâm KHCN, các doanh nghiệp, các nghiên cứu sinh tiến sĩ và phong trào lao động sáng tạo của quần chúng). Tỷ lệ thương mại hóa và chuyển giao kết quả nghiên cứu khối nhà nước đầu tư cũng hạn chế hơn rất nhiều so với khối ngoài nhà nước.

Trong số công bố khoa học, bằng sáng chế và tỷ lệ thương mại hóa do ngân sách đầu tư thì chủ yếu thuộc đề tài cấp quốc gia (bao gồm đề tài do Quỹ KHCN quốc gia tài trợ), đề tài cấp bộ, còn đề tài cấp tỉnh không đáng kể. Khối cấp tỉnh hàng năm đầu tư gần 2 ngàn đề tài, chiếm hơn 60% đề tài các cấp với kinh phí ngân sách hơn 2,5 ngàn tỷ đồng, chiếm 30% kinh phí cả nước. Kết quả không có công bố quốc tế đã đành, mà công bố trong nước cũng rất ít, có chăng là của các tổ chức KHCN Trung ương chủ trì đề tài của địa phương, còn các đơn vị khác của địa phương thì hầu như không có công bố. Đề tài, dự án KHCN cấp tỉnh không những chưa có sáng chế mà giải pháp hữu ích cũng rất hiếm.

Mô hình đầu tư và quản lý R&D khu vực công lập vẫn còn nhiều bất cập. Nguồn ngân sách hiện vẫn đang phân tán theo các cấp hành chính. Đề tài cấp nhà nước do Bộ KHCN quản lý khoảng 30%; đề tài cấp bộ và tương đương (bao gồm các ban đảng Trung ương, MTTQ và các đoàn thể Trung ương) khoảng 30%; đề tài cấp tỉnh 30%; quỹ KHCN quốc gia 10%. Đầu tư như vậy là dàn trải, không tập trung được cho các tổ chức KHCN lớn, có uy tín và các nhóm nghiên cứu mạnh. Hơn nữa lại trùng lặp, chồng chéo rất khó kiểm soát đề tài giữa các cấp và giữa các tỉnh với nhau, giữa đề tài nghiên cứu với chức năng thường xuyên của cơ quan chuyên môn nghiệp vụ, đơn vị tư vấn chuyên nghiệp. Các cấp hành chính đều trực tiếp duyệt danh mục đề tài, kinh phí, tuyển chọn đơn vị chủ trì và chủ nhiệm đề tài, tổ chức nghiệm thu, thanh quyết toán và nắm sản phẩm, như vậy cũng không phù hợp với nền kinh tế thị trường, làm méo mó động lực nghiên cứu. Đề xuất nghiên cứu thường ít gắn với nhu cầu thực tế của thị trường, lại nặng về đi tìm kiếm thu nhập ngay trong quá trình nghiên cứu, ít quan tâm đến hậu đề tài. Gần đây, có mặt đã được tháo gỡ, nhà nước chỉ nắm sản phẩm R&D đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh, còn lại bàn giao cho đơn vị nghiên cứu làm thủ tục đăng ký bản quyền, thương mại hóa, trực tiếp ứng dụng hoặc chuyển giao ứng dụng với cơ chế bảo đảm hài hòa quyền lợi giữa phía chủ trì, tác giả, bên ứng dụng và nhà nước. Nhưng vấn đề là, chất lượng của sản phẩm nghiên cứu còn nhiều mặt hạn chế so với tiêu chuẩn công bố quốc tế và tiêu chuẩn đăng ký sáng chế trong nước và nước ngoài. Để cải thiện và nâng cao chất lượng sản phẩm R&D thì phải kiểm soát được nguồn đề xuất và sản phẩm nghiên cứu (theo hướng công bố khoa học trên các tạp chí theo danh mục chỉ định, hoặc là đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích). Quản lý nhiệm vụ R&D cũng đang là vấn đề lớn. Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch R&D, giải ngân, nghiệm thu, thanh quyết toán vẫn đang theo niên độ

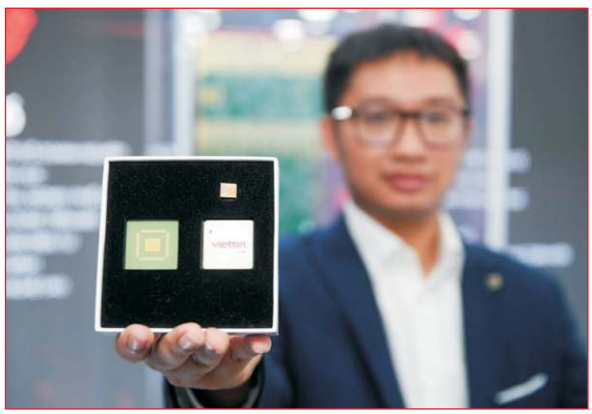

Chip 5G DFE - chip xử lý tín hiệu vô tuyến trạm 5G do Viettel nghiên cứu, có khả năng tính toán lên tới 1.000 tỷ phép tính trên giây tương đương với Chip Apple A7. Ảnh: viettelfamily.com

năm tài chính, không phù hợp với đặc điểm của R&D là thường xuyên, liên tục. Các nước phát triển đã từ lâu đã đầu tư ngân sách cho R&D thông qua Quỹ KHCN hoặc Công ty KHCN, Nghị quyết 57-NQ/TW chủ trương theo hướng tập trung cho các tổ chức KHCN lớn và các nhóm nghiên cứu mạnh. Trong khi chưa tái cơ cấu đầu tư R&D một cách căn bản thì việc chuyển đổi kênh đầu tư là rất cần thiết. Đó là chuyển từ kênh đầu tư trực tiếp từ ngân sách theo niên độ năm tài chính (một vài đợt đề xuất, tuyển chọn trong năm) sang kênh của Quỹ KHCN các cấp, đề xuất, tuyển chọn thường xuyên, liên tục. Nhưng chức năng, nhiệm vụ của Quỹ KHCN các cấp cũng cần theo mô hình quỹ KHCN quốc gia, tức là tài trợ, hỗ trợ đầu tư cho R&D là chính.

Thủ tục tài chính đối với R&D vẫn còn phức tạp, phiền hà, tuy vậy vẫn thu hút rất nhiều đơn vị và cá nhân đề xuất, đăng ký, bao gồm cả tổ chức KHCN, nhà khoa học chuyên nghiệp và cán bộ công chức viên chức của các đơn vị hành chính sự nghiệp, thường gấp 2-3 lần số cần tuyển chọn và hầu như tất cả, khi được tuyển chọn đều hoàn thành và hoàn thành tốt, xuất sắc đề tài. Chứng tỏ, thủ tục hành chính cho dù phức tạp thì vẫn không phải là cửa ải, các tổ chức KHCN và các chủ nhiệm đề tài và cộng sự vẫn dễ dàng vượt qua. Đằng sau thủ tục tài chính phức tạp, thực chất việc kiểm soát về nội dung và sản phẩm có phần còn "nhẹ nhàng", chịu sự tác động của nhiều mối quan hệ tế nhị. Tốt nhất là về thủ tục tài chính, sau khi đã có dự toán chi tiết và các bên liên quan đã thẩm định và thống nhất, thì có thể và nên khoán gọn theo đề tài. Ngược lại, sản phẩm đặt hàng nghiên cứu cần được xác định rõ hơn về số lượng và chất lượng, nhất là bài báo khoa học và công nghệ có khả năng đăng ký bản quyền. Nhưng thực tế, bằng sáng chế hay bằng giải pháp hữu ích thì khó "chạy", còn bài báo khoa học, hoàn toàn có thể dùng tiền để "chạy", thậm chí là "khoán gọn". Để tránh trùng lặp, đạo văn trong nghiên cứu, cần bắt buộc giao nộp đầy đủ, kịp thời kết quả của tất cả đề tài các cấp vào CSDL trung tâm thông tin KHCN quốc gia. Và tất cả các cấp đều áp dụng phần mềm để kiểm soát chặt chẽ sự trùng lặp và đạo văn ở cả hai khâu là đầu vào (xác định danh mục đề tài cần nghiên cứu) và đầu ra (nghiệm thu kết quả nghiên cứu). Rất nhiều trường đại học đã sử dụng phần mềm để kiểm soát luận văn sinh viên. Nhiều cuộc thi, kể cả cuộc thi chính luận của Đảng cũng đã sử dụng phần mềm để sàng lọc sự trùng lặp, đạo văn. Thế thì, trong lĩnh vực R&D, nhất là khu vực công lập do ngân sách đầu tư lớn thì càng phải dùng công nghệ cao để kiểm soát.

Quy trình và thủ tục hành chính phức tạp cũng như chi phí tốn kém cũng là rào cản vướng mắc nhất là ở khâu đăng ký sáng chế. Chi phí dịch vụ đăng ký trên dưới 30 triệu đồng, thời gian kéo dài. Từ nhiều năm nay, số đơn được đăng bạ tồn đọng lưu cữu nhiều gấp gần 10 lần số đơn phát sinh hàng năm. Theo quy định chung, thời gian thẩm định và cấp bằng dưới 4 năm. Nhưng thực tế đa số đơn quá hạn, thậm chí là 6-10 năm vẫn chưa được giải quyết. Việc ứng dụng công nghệ cao (phần mềm chuyên dụng) để đẩy nhanh quá trình thẩm định đơn và cấp bằng là rất cần thiết.

Một khía cạnh khác về đổi mới đầu tư và quản lý là tăng cường đầu tư gián tiếp. Lâu nay, ngân sách chủ yếu đầu tư trực tiếp cho nghiên cứu và tăng cường tiềm lực phục vụ nghiên

cứu. Nhưng đầu tư cho đối tượng khác còn rất hạn chế, hoặc chưa có gì. Cần giảm tỷ lệ đầu tư trực tiếp của ngân sách cho nghiên cứu, bù lại, tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp với cơ chế đối ứng vốn, khuyến khích bằng chính sách ưu đãi về tín dụng và thuế, hỗ trợ công bố quốc tế, đăng ký bảo hộ sáng chế trong nước và nước ngoài.... Nâng cao giá trị Giải thưởng KHCN các cấp, Giải thưởng Hội thi sáng tạo KHCN và các giải thưởng khác (do nhà nước tài trợ) liên quan đến KHCN, vì hiện nay mức thưởng đang rất thấp so với mức đầu tư cho đề tài. Đồng thời với việc khen thưởng cá nhân có thành tích xuất sắc về công trình, sản phẩm KHCN, cần khuyến khích các trường đại học, viện nghiên cứu có hình thức xem xét cấp bằng cử nhân, kỹ sư danh dự cho các "nhà sáng chế chân đất" và bằng Tiến sĩ danh dự cho các nhà khoa học có trình độ đào tạo cử nhân, thạc sĩ. Đầu tư gián tiếp như vậy không tốn kém nhiều, nhưng sẽ động viên được nhiều đối tượng (DN, nhà khoa học chuyên nghiệp và phong trào sáng tạo của quần chúng), qua đó, sẽ thúc đẩy tăng trưởng sản phẩm KHCN, nhất là về sáng chế.

Một vấn đề khác cũng cần được quan tâm là công tác lý luận phê bình trong hoạt động R&D. Trong lĩnh vực văn học nghệ thuật (VHNT), song hành với sáng tác là lý luận, phê bình, hoạt động này mang tính chiến đấu rất cao, đã góp phần to lớn thúc đẩy sáng tác phát triển đúng hướng và chất lượng, bảo vệ bản quyền, chống đạo văn. Trung ương có Tạp chí lý luận phê bình, có Hội đồng lý luận, có Giải thưởng lý luận phê bình về VHNT. Nhưng, lĩnh vực KHCN đến nay việc này vẫn chưa rõ ràng, do vậy, đây cũng là điều rất cần được quan tâm./.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT HUY...

(Tiếp theo trang 10)

Sáu là: Tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội và các hội thảo khoa học để tập hợp và phát huy vai trò, trách nhiệm của trí thức tham gia tư vấn, giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong thực tế đặt ra, tích cực đóng góp ý tưởng, trí tuệ vào quá trình hoạch định chính sách của địa phương và phản biện, giám định các chủ trương, chính sách, các quy hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Bảy là, Mở rộng, tăng cường liên kết với các viện nghiên cứu, các trường đại học, trung tâm trong và ngoài nước tổ chức các hội thảo khoa học, đưa ra những khuyến nghị về hoạch định chủ trương, chính sách, giải quyết các vấn đề thực tiễn đang đặt ra cho địa phương. Hỗ trợ trí thức tham gia Hội thảo khoa học, nghiên cứu tại nước ngoài./.

Tuấn Đạt

Tài liệu tham khảo:

Báo cáo *Số 286-BC/TU, ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*

Báo cáo số 337-BC/TU, ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Ban thường vụ Tỉnh uỷ về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 06/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X.

Quyết định Số: 894/QĐ-UBND, ngày 21 tháng 04 năm 2025 của UBND tỉnh Sơn La v/v phê duyệt Chiến lược phát triển đội ngũ trí thức tỉnh Sơn La theo từng ngành, lĩnh vực trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO: ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA SƠN LA TRONG THỜI KỲ MỚI

Nguyễn Vũ Điều

Ảnh minh họa - Dangcongsan.vn.

1. Quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST)

Trong suốt tiến trình phát triển đất nước, Đảng và Nhà nước luôn nhất quán quan điểm coi khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong bối cảnh hội nhập và phát triển nhanh chóng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST) ngày càng khẳng định vai trò là nền tảng, động lực then chốt để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia.

Tư tưởng này đã được khẳng định trong nhiều văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước như Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII); nghị quyết các kỳ Đại hội Đảng và gần đây nhất là tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị khóa XIII về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Nghị quyết 57-NQ/TW đã xác định: "Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính để phát triển đất nước nhanh và bền vững... là nền tảng để tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh quốc gia". Mục tiêu mà Nghị quyết 57-NQ/TW đặt ra là đến năm 2030, Việt Nam sẽ trở thành quốc gia có nền KH,CN&ĐMST phát triển, thuộc nhóm dẫn đầu ASEAN về chỉ số đổi mới sáng tạo. Để thực hiện được mục tiêu đó, ba định hướng lớn được Nghị quyết 57-NQ/TW chỉ rõ: (1) Chuyển

đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu, lấy KH&CN làm lực kéo để nâng cao chất lượng sản phẩm, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. (2) Tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, trong đó Nhà nước đóng vai trò kiến tạo; doanh nghiệp là trung tâm và trí thức, nhà khoa học là lực lượng nòng cốt. (3) Ưu tiên đầu tư phát triển công nghệ lõi, công nghệ nền tảng và công nghệ tương lai như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ sinh học, vật liệu mới, năng lượng tái tạo...

Bên cạnh đó, Nghị quyết số 45-NQ/TW (24/11/2023) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng cũng đặc biệt nhấn mạnh vai trò của đội ngũ trí thức, nhà khoa học - lực lượng then chốt để thực hiện các đột phá về KH&CN, tạo nguồn lực nội sinh cho phát triển đất nước.

Hai nghị quyết lớn này không chỉ là kim chỉ nam mà còn là tuyên bố chính trị mạnh mẽ về tầm nhìn phát triển KH&CN của đất nước ta trong thời đại mới, khi Việt Nam bước vào giai đoạn phát triển với nhiều cơ hội và thách thức đan xen: Từ yêu cầu phát triển xanh, kinh tế số, đến nguy cơ tụt hậu nếu không làm chủ công nghệ cốt lõi.

Những chủ trương và định hướng trên khẳng định: Đảng và Nhà nước ta luôn xác định phát triển KH,CN&ĐMST là nhiệm vụ trung tâm trong chiến lược phát triển đất nước, đồng thời thể hiện quyết tâm mạnh mẽ trong việc đưa KH&CN trở thành nhiệm vụ đột phá chiến lược, là động lực thúc đẩy phát triển bền vững, tăng cường nội lực và sức cạnh tranh của nền kinh tế trong thời kỳ mới của đất nước.

2. Kết quả nổi bật của Sơn La trong ứng dụng KH&CN những năm qua

Quán triệt các chủ trương lớn của Trung ương Đảng và Chính phủ, những năm qua, tỉnh Sơn La đã ban hành nhiều nghị quyết, kế hoạch để thúc đẩy phát triển KH&CN gắn với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong giai đoạn 2016-2024, hoạt động KH&CN của tỉnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực, rất đáng ghi nhận. Cụ thể là:

Phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Tính đến năm 2024, tỉnh đã công nhận 9 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, bao gồm: 2 vùng chè, chăn nuôi bò sữa tại huyện Mộc Châu; 2 vùng cà phê, 1 vùng na, 1 vùng xoài tại huyện Mai Sơn và 3 vùng

Thu hoạch cà phê ở Sơn La - Ảnh. moit.gov.vn

nhãn, mận, xoài tại huyện Yên Châu . Việc áp dụng công nghệ cao đã giúp tăng giá trị thu nhập trên một ha đất canh tác từ 1,5-2 lần so với canh tác truyền thống. Các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao như tưới nhỏ giọt, quản lý sâu bệnh bằng công nghệ sinh học, chế biến sâu sau thu hoạch... đã được triển khai tại nhiều huyện như Mai Sơn, Mộc Châu, Yên Châu, góp phần nâng cao năng suất và giá trị sản phẩm của nhân dân các dân tộc.

Đưa thương hiệu Cà phê Arabica Sơn La vươn tầm quốc tế: Đến nay, toàn tỉnh Sơn La có hơn 20.000 ha cà phê Arabica (chiếm 41,2% tổng diện tích cà phê Arabica cả nước). Trong đó, gần 18.000 ha được cấp chứng nhận bền vững và tương đương như RA, 4C, VietGAP... Tỉnh đã công nhận 2 vùng ứng dụng công nghệ cao cho cà phê với diện tích 1.039 ha, có 1.560 hộ gia đình tham gia. Việc ứng dụng công nghệ chế biến ướt, rang xay, truy xuất nguồn gốc đã nâng cao giá trị và thương hiệu sản phẩm, được thị trường quốc tế đánh giá cao, giúp cà phê Sơn La xuất khẩu đến 20 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Triển khai hiệu quả các nhiệm vụ KH&CN: Giai đoạn 2021 - 2024, tỉnh Sơn La đã triển khai 64 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, trong đó có 29 nhiệm vụ thuộc lĩnh vực nông nghiệp. Các dự án nghiên cứu ứng dụng KH&CN cấp tỉnh, cấp nhà nước như ứng dụng công nghệ cao trong bảo quản nông sản, nghiên cứu giống cây dược liệu, mô hình nông nghiệp thông minh, chuyển giao công nghệ trồng cây ăn quả trên đất dốc đã được triển khai hiệu quả, góp phần chuyển giao tri thức vào sản xuất và đời sống.

Từ những kết quả trên, tỉnh ta đang tập trung xây dựng Trung tâm quốc gia nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp tại huyện Mộc Châu; xây dựng và hình thành 1 khu, 20 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao toàn tỉnh trong đó có 8 vùng trở lên đủ điều kiện công nhận là vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tỉnh cũng tập trung phát triển KH&CN phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển nguồn nhân lực KH&CN và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực, hỗ trợ doanh nghiệp KH&CN, khởi nghiệp sáng tạo, tăng cường đầu tư và xã hội hóa nguồn lực cho KH&CN.

3. Hướng đi tới đột phá từ thực tiễn địa phương

Từ thực tiễn triển khai hoạt động KH&CN của tỉnh Sơn La trong những năm qua, có thể thấy rằng điểm mạnh của tỉnh chính là nền tảng sản xuất nông nghiệp hàng hóa gắn với điều kiện sinh thái đặc thù và tiềm năng lớn về cây ăn quả, cây công nghiệp, dược liệu và sản phẩm bản địa.

Tuy nhiên, để KH&CN thực sự trở thành động lực trung tâm thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững, tỉnh cần lựa chọn những hướng đi đột phá, bám sát nhu cầu thực tiễn, đồng thời tận dụng tốt các xu hướng công nghệ mới trên thế giới. Cụ thể là:

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới mô hình phát triển nông nghiệp theo hướng "nông

nghiệp sinh thái - công nghệ cao - nông sản quốc tế". Điều này không chỉ là xu hướng tất yếu mà còn là lợi thế cạnh tranh của Sơn La nếu biết đầu tư bài bản. Đột phá cần nằm ở việc xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp: từ nghiên cứu giống cây trồng đặc hữu, ứng dụng công nghệ số vào quản lý canh tác (IoT, AI, blockchain...), đến phát triển hệ thống logistics lạnh và công nghệ chế biến sâu sau thu hoạch. Mỗi huyện, mỗi vùng sản xuất cần có ít nhất một mô hình điểm về nông nghiệp thông minh, đủ sức lan tỏa và nhân rộng.

Thứ hai, phát triển mạnh các sản phẩm chủ lực có chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc và đạt chuẩn quốc tế. Các sản phẩm như cà phê Arabica Sơn La, xoài Yên Châu, nhãn Sông Mã, chè Shan Tuyết Mộc Châu... nếu được chuẩn hóa quy trình sản xuất, ứng dụng công nghệ trong chế biến và xúc tiến thương mại điện tử, sẽ không chỉ khẳng định vị thế tại thị trường nội địa mà còn vươn ra toàn cầu. Tỉnh cần xây dựng chiến lược KH&CN riêng cho từng chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực, đồng thời huy động doanh nghiệp tham gia như một "đầu kéo" trong nghiên cứu - phát triển - thương mại hóa sản phẩm.

Thứ ba, thúc đẩy liên kết "3 nhà" (Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp) để gia tăng hiệu quả chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Trong đó, tỉnh cần chủ động làm đầu mối kết nối giữa các viện nghiên cứu, trường đại học lớn với cộng đồng doanh nghiệp tại địa phương. Cần hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm công nghệ tại các khu, cụm công nghiệp, các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung. Đây sẽ là nơi thử nghiệm, trình diễn công nghệ mới và hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Thứ tư, đào tạo và thu hút nguồn nhân lực KH&CN chất lượng cao gắn với thực tiễn địa phương. Bên cạnh việc nâng cao trình độ cho cán bộ kỹ thuật tại chỗ, tỉnh nên triển khai các cơ chế "đặt hàng nghiên cứu" cho các chuyên gia, trí thức từ nơi khác về làm việc tại Sơn La, đặc biệt trong các lĩnh vực như công nghệ sinh học, công nghệ chế biến, kỹ thuật số. Cơ chế đãi ngộ, môi trường làm việc, cơ hội hợp tác liên ngành sẽ là chìa khóa để giữ chân nhân tài.

Cuối cùng, đẩy mạnh số hóa và ứng dụng công nghệ số vào quản lý, điều hành phát triển KT-XH. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu số về đất đai, giống cây trồng, nguồn nước, thị trường tiêu thụ... sẽ giúp tỉnh hoạch định chính sách hiệu quả hơn, đồng thời tạo nền tảng để phát triển nông nghiệp chính xác, dịch vụ công thông minh và chuỗi cung ứng số. Chuyển đổi số trong lĩnh vực KH&CN không chỉ là xu hướng mà còn là yêu cầu cấp thiết để nâng cao hiệu quả đầu tư và thu hút nguồn lực xã hội.

Với tiềm năng sẵn có, quán triệt và triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 45-NQ/TW, phát huy đúng hướng, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sẽ là "bệ đỡ" và là "bàn đạp" để Sơn La bứt phá, từng bước khẳng định vị thế là trung tâm nông sản chất lượng cao và đổi mới sáng tạo của vùng trung du và miền núi phía Bắc./.

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP GÓP PHẦN TĂNG CƯỜNG VĂN HÓA PHÊ BÌNH VÀ TỰ PHÊ BÌNH TRONG ĐẢNG TRƯỚC NHỮNG YÊU CẦU MỚI

TS. Nguyễn Minh Đức - Phó Chủ tịch
Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật tỉnh Sơn La

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến lĩnh vực văn hóa, Người cho rằng văn hóa đứng ngang hàng với các lĩnh vực hoạt động khác của xã hội: "Trong công cuộc kiến thiết nước nhà có bốn vấn đề cùng phải chú ý đến, cùng phải coi trọng ngang nhau: Chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa". Điều đó thể hiện văn hóa có vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển của đất nước, là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực cho sự phát triển. Trong công tác xây dựng Đảng thì văn hóa còn là một trong những yếu tố cốt lõi để xây dựng Đảng luôn trong sạch, vững mạnh.

Trong bối cảnh đất nước đang bước vào kỷ nguyên mới với nhiều cơ hội thuận lợi để vươn mình ra thế giới nhưng cũng phải đối mặt với nhiều thách thức; đòi hỏi Đảng ta phải không ngừng đổi mới duy lãnh đạo; tăng cường công tác xây dựng Đảng; kiên quyết chống lại những biểu hiện của sự suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ Đảng; đẩy mạnh chống tham nhũng, lãng phí; củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng. Việc tăng cường văn hóa phê bình và tự phê bình trong Đảng đang trở thành một yêu cầu cấp thiết.

1. Vai trò và ý nghĩa của việc xây dựng văn hóa phê bình và tự phê bình trong Đảng

Việc xây dựng văn hóa phê bình và tự phê bình có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển bền vững của Đảng Cộng sản Việt Nam, đây không chỉ là một "cái gương" để tự soi rọi, nhìn nhận và cải thiện công tác lãnh đạo, mà còn là yếu tố nền tảng trong việc giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất chặt chẽ của Đảng, văn hóa phê bình và tự phê bình là cơ sở cho mỗi đảng viên tự nhận diện lại bản thân, từ đó phát hiện những gì còn yếu kém, chưa làm tốt, mà nói rộng hơn là sai phạm trong quá trình công tác sẽ có thể khắc phục kịp thời, mạnh dạn sửa chữa, để tránh để hậu quả đáng tiếc xảy ra.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng có nêu việc xây dựng Đảng phải bắt đầu từ công tác tự chỉnh đốn, tự phê bình, tự soi rọi và đổi mới phương thức lãnh đạo, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Đây là cách để Đảng không chỉ tự làm gương trong xã hội mà còn đề ra những chủ trương, đường lối phù hợp và sát thực tế hơn, một trong những vai trò nổi bật của việc xây dựng văn hóa phê bình và tự phê bình là duy trì sự trong sạch của Đảng, đồng thời góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Thực tiễn cho thấy, khi Đảng thực hiện nghiêm túc phê bình và tự phê bình thì những yếu kém, khuyết điểm sẽ được phát hiện và xử lý kịp thời, việc phê bình và tự phê bình không chỉ được thực hiện trong các kỳ sinh hoạt Đảng mà còn được lồng ghép vào mọi hoạt động, giúp phát hiện nhiều sai sót, vi phạm, từ đó có các biện pháp khắc phục, sửa chữa nhanh chóng và hiệu quả hơn, tạo được niềm tin của nhân dân với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Văn hóa phê bình và tự phê bình không chỉ đóng vai trò trong việc duy trì sự trong sạch của

Đảng mà còn có tác dụng nâng cao phẩm chất đạo đức và tư tưởng của mỗi đảng viên. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói rằng phê bình và tự phê bình là một trong những phương tiện quan trọng để giúp đỡ nhau tiến bộ, giữ gìn và phát huy sự trong sạch của Đảng, điều đó cho thấy khi đảng viên biết tự phê bình, tích cực sửa đổi thì họ sẽ ngày càng hoàn thiện hơn trong công việc và trong tư cách người đảng viên.

Ngoài ra, văn hóa phê bình và tự phê bình còn tạo ra một môi trường làm việc dân chủ, chia sẻ, khuyến khích sự sáng tạo, đổi mới trong Đảng, các cán bộ, đảng viên sẽ không e ngại, nể nang mà mạnh dạn bày tỏ ý kiến cá nhân của mình, góp ý mang tính chất xây dựng để tổ chức Đảng ngày càng trở nên vững mạnh hơn, điều này cũng thể hiện sự linh hoạt và khả năng thích ứng của Đảng trong việc đối phó với những thách thức mới.

2. Thực trạng văn hóa phê bình và tự phê bình trong Đảng

2.1. Những kết quả đạt được

Thứ nhất, các cấp ủy, tổ chức Đảng đã thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, làm rõ trách nhiệm của từng đảng viên trong các lĩnh vực công tác. Trong những năm qua, các kỳ sinh hoạt Đảng đã được tổ chức nghiêm túc, với sự tham gia của tất cả các đảng viên, tạo ra một không khí dân chủ, công khai trong việc thảo luận và phê bình, điều đó giúp các đảng viên nhận thức rõ hơn về trách nhiệm của mình đối với Đảng và nhân dân.

Thứ hai, qua việc thực hiện văn hóa phê bình và tự phê bình, nhiều trường hợp đảng viên vi phạm đã được phát hiện sớm, từ đó có những biện pháp xử lý kịp thời, đơn cử là trong công tác phòng, chống tham nhũng, nhiều cán bộ, đảng viên đã tự giác nhận những thiếu sót của mình trong quản lý, thậm chí nhiều cán bộ đã mạnh dạn xin nghỉ, xin từ chức, giúp ngăn chặn và xử lý các vụ việc tham nhũng, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí tiêu cực trong Đảng.

Thứ ba, các tổ chức cơ sở Đảng, các chi bộ ở địa phương, nhất là những Đảng bộ đã thực hiện việc phê bình và tự phê bình một cách nghiêm túc, góp phần củng cố mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân. Khi các đảng viên thể hiện sự trong sạch, minh bạch và dám phê bình những sai sót của mình, thì họ đã tạo niềm tin đối với quần chúng nhân dân, điều này không chỉ củng cố uy tín của Đảng mà còn tăng cường sức mạnh đoàn kết, xây dựng một khối thống nhất ý chí của toàn dân tộc.

Thứ tư, văn hóa phê bình và tự phê bình đã giúp nâng cao phẩm chất đạo đức của các đảng viên,việc tự phê bình không chỉ là để nhận lỗi mà còn là cách để mỗi đảng viên tự tu dưỡng, rèn luyện, nhìn nhận lại những việc mình làm chưa tốt, để tự điều chỉnh hành vi và tư tưởng, từ đó nâng cao đạo đức cách mạng, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, giữ vững phẩm chất người đảng viên cộng sản.

2.2. Những hạn chế, tồn tại

Ngoài những kết quả đạt được thì vẫn còn nhiều mặt hạn chế, tồn tại cần được khắc phục trong thời gian tới:

Một là, tại một số cơ sở đảng vẫn còn gặp khó khăn trong việc triển khai văn hóa phê bình và tự phê bình, đặc biệt là trong việc xử lý các sai phạm. Một số đảng viên vẫn còn né tránh, nể nang hoặc ngại phê bình vì lo ngại tác động đến mối quan hệ cá nhân hoặc không đủ dũng cảm để nhận và sửa chữa khuyết điểm của mình, khiến sai phạm càng trở nên nghiêm trọng.

Hai là, tình trạng "dĩ hòa vi quý" vẫn còn diễn ra, cấp dưới không dám phê bình cấp trên;

lợi dụng tự phê bình và phê bình để trù dập nhau, gây mất đoàn kết nội bộ. Đó là những biểu hiện suy thoái nếu không phát hiện, chấn chỉnh kịp thời thì sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tổ chức đảng, chất lượng cán bộ, đảng viên.

Ba là, công tác tự phê bình và phê bình chủ yếu được thực hiện vào dịp kiểm điểm cuối năm, chưa trở thành việc thường xuyên, hàng tháng; các tổ chức chính trị - xã hội tham gia góp ý cho các cấp ủy còn hạn chế; một số đảng viên thì ít phát biểu ý kiến trong sinh hoạt chi bộ, chưa tự giác nhìn nhận, việc phát biểu ý kiến chỉ tập trung vào đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, đảng viên lớn tuổi, còn một số đảng viên trẻ rất ít phát biểu trong các kỳ sinh hoạt chi bộ.

Bốn là, nhiều cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng văn hóa phê bình và tự phê bình. Vẫn còn quan điểm coi đó chỉ là hình thức, đưa vào sinh hoạt đảng cho xong, qua loa, hời hợt; khi nhận góp ý của đồng chí, đồng nghiệp thì bày tỏ thái độ không hợp tác, ý thức sửa chữa kém làm ảnh hưởng đến chất lượng sinh hoạt của chi bộ, của đơn vị.

Năm là, Vẫn còn trường hợp lạm dụng chức vụ, quyền hạn để cản trở, trù dập người đấu tranh phê bình, góp ý trái với ý kiến mình, khiến cho nhiều đảng viên không dám chỉ ra sai sót của họ. Hiện tượng bao che cho nhau, "ô dù, vây cánh", đoàn kết một chiều cũng làm suy yếu sức chiến đấu của các tổ chức Đảng.

Sáu là, ý thức tổ chức kỷ luật kém cũng đã gây tổn hại đến sự thống nhất trong Đảng, một số tổ chức đảng ở cơ sở không chấp hành nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ trong xem xét, xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm, các thành viên chưa phát huy hết tinh thần trách nhiệm trong việc phê bình, chưa tập trung phân tích, làm rõ nội dung, tính chất, mức độ và nguyên nhân dẫn đến vi phạm của cán bộ, đảng viên nên đề xuất hình thức kỷ luật chưa tương xứng với lỗi vi phạm.

3. Một số giải pháp tăng cường văn hóa phê bình và tự phê bình trong Đảng trước tình hình mới

Một là, xây dựng và hoàn thiện cơ chế thực hiện phê bình và tự phê bình, phải rõ ràng, công khai và cụ thể là yếu tố then chốt. Cơ chế này không chỉ đảm bảo tính chính thức trong quy trình thực hiện phê bình mà còn góp phần quan trọng vào việc xây dựng môi trường làm việc dân chủ, cởi mở và trung thực trong Đảng.

Hai là, gắn kết giữa phê bình và tự phê bình với công tác xây dựng Đảng. Việc phê bình không chỉ giúp làm rõ sai sót của các cá nhân, mà còn là một công cụ hữu hiệu để củng cố, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, từ đó góp phần xây dựng Đảng vững mạnh cả về đạo đức lẫn năng lực lãnh đạo.

Ba là, phát huy vai trò gương mẫu của người đứng đầu. Người đứng đầu ở mọi cấp độ trong Đảng phải luôn thể hiện tinh thần tự phê bình, thừa nhận khuyết điểm và làm gương cho cấp dưới trong việc thực hiện văn hóa phê bình. Cấp lãnh đạo nếu gương mẫu và dũng cảm trong việc phê bình và tự phê bình sẽ tạo động lực mạnh mẽ cho đảng viên.

Bốn là, tạo cơ chế giám sát và phản biện hiệu quả. Việc phê bình và tự phê bình cần được thực hiện thường xuyên và có hệ thống, không chỉ dừng lại ở những buổi sinh hoạt Đảng mà cần có cơ chế giám sát, phản biện để đảm bảo rằng mọi nhận xét và ý kiến được tiếp nhận và xử lý nghiêm túc, không chỉ qua các kỳ họp tổng kết cuối năm mà cả trong các cuộc họp hàng tháng, hàng quý khác.

Năm là, kết hợp chặt chẽ giữa việc phê bình và khen thưởng. Việc thực hiện phê bình phải đi

đối với việc khuyến khích, tôn vinh những đảng viên có thành tích tốt, làm gương mẫu trong công tác, đồng thời kịp thời phát hiện và khắc phục các yếu kém, phê bình với những cá nhân sai sót, khuyết thiếu nhưng với cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ thì cần khen thưởng, nêu gương kịp thời, vì phải nhận thức được một nguyên lý "vật chất quyết định ý thức", khi động viên, khuyến khích như vậy thì đảng viên mới có động lực để tự giác phê và tự phê.

Sáu là, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục về văn hóa phê bình và tự phê bình**.** Việc tuyên truyền không chỉ giúp đảng viên hiểu rõ về tầm quan trọng của phê bình và tự phê bình mà còn tạo ra một phong trào, một khí thế thi đua trong toàn Đảng. Tuyên truyền về những tấm gương điển hình, những câu chuyện thành công trong việc thực hiện văn hóa phê bình sẽ góp phần tạo động lực, khích lệ mỗi cá nhân tự nỗ lực, phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện và nhận thức rõ hơn về trách nhiệm của mình, tự giác hơn trong việc tham gia vào quá trình này.

Bảy là, nâng cao tính công khai và minh bạch trong cơ chế thực hiện phê bình. Để tạo ra sự tin tưởng và khuyến khích sự tham gia của tất cả các đảng viên, cơ chế phê bình và tự phê bình cần phải công khai và minh bạch. Mỗi đảng viên đều có quyền và nghĩa vụ tham gia vào quá trình này, và kết quả phê bình cần được công khai trong nội bộ Đảng, điều này sẽ tạo ra một môi trường không có sự che đậy, mà thay vào đó là sự tôn trọng và cầu thị, giúp mọi người hiểu rõ vấn đề và hướng đến sửa chữa, đổi mới. Việc công khai kết quả phê bình cũng sẽ thúc đẩy trách nhiệm giải trình trong Đảng, đảm bảo rằng những sai phạm hoặc thiếu sót được chỉ ra và khắc phục một cách hiệu quả.

Tám là, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng về văn hóa phê bình và tự phê bình. Đây không chỉ là một phần của công tác xây dựng Đảng mà còn là yếu tố then chốt giúp hình thành một môi trường trong sinh hoạt Đảng các cấp.Văn hóa phê bình và tự phê bình không chỉ đơn thuần là việc đưa ra các nhận xét, góp ý mà còn bao gồm việc phát triển những kỹ năng giao tiếp và phản hồi mang tính xây dựng, vì vậy, việc **đào tạo và bồi dưỡng** các kỹ năng này là vô cùng quan trọng.

Kết luận: Văn hóa phê bình và tự phê bình trong Đảng là một yếu tố quan trọng giúp duy trì sự trong sạch, vững mạnh của Đảng. Đặc biệt, khi xã hội ngày càng phát triển và có nhiều thay đổi, việc phát huy văn hóa phê bình và tự phê bình trở thành một yêu cầu cấp thiết đối với công tác xây dựng Đảng. Qua phân tích, có thể nhận thấy rằng văn hóa này không chỉ là một công cụ giúp mỗi đảng viên tự hoàn thiện bản thân, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ Đảng khỏi những yếu tố tiêu cực, củng cố niềm tin của nhân dân và giữ vững uy tín của Đảng.

Trước bối cảnh Đảng và Nhà nước ta luôn đặt mục tiêu hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng lên hàng đầu thì Đảng ta cũng phải đối mặt với nhiều vấn đề mới, trong đó có việc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và bảo vệ những giá trị đạo đức của Đảng. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả cao, cần phải xây dựng và hoàn thiện các cơ chế thực hiện phê bình và tự phê bình, để từ đó nâng cao hiệu quả công tác xây dựng Đảng.

Việc phát triển và củng cố văn hóa phê bình và tự phê bình trong Đảng là nhiệm vụ không thể thiếu trong công cuộc xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Chính vì vậy cần thực hiện đồng bộ các giải pháp trên đây nhằm góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên và bảo vệ những giá trị nền tảng của Đảng trước tình hình mới.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA SAU MƯỜI NĂM THỰC HIỆN CHỦ TRƯƠNG TRỒNG CÂY ĂN QUẢ TRÊN ĐẤT DỐC TẠI SƠN LA

Hành trình 10 năm trồng cây ăn quả trên đất dốc không chỉ khẳng định giá trị của một hướng đi đúng mà còn thắp sáng khát vọng làm giàu chính đáng của người dân Tây Bắc. Chủ trương trồng cây ăn quả trên đất dốc của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đưa Sơn La trở thành vựa hoa quả lớn nhất Miền Bắc.

1. Thành tựu từ chủ trương dám nghĩ, dám làm của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ

Ở Sơn La, đất dốc chiếm một tỷ lệ lớn và có chất lượng không đồng đều, dễ bị xói mòn khi có mưa lớn. Mười năm trước, những triền đất dốc ở Sơn La chủ yếu được phủ bởi ngô, sắn và lúa nương các loại cây trồng ngắn ngày, hiệu quả kinh tế thấp, làm bạc màu đất và khó mang lại đột phá về thu nhập.

Đại biểu thăm quan các gian hàng tại Hội nghị tổng kết 10 năm trồng cây ăn quản trên đất dốc

Với khát vọng đưa Sơn La vươn lên sớm thoát khỏi nghèo đói, ngày 30/11/2015, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sơn La ban hành Thông báo kết luận số 121-TB/TU, xác định chủ trương chuyển đổi mạnh mẽ diện tích trồng ngô, sắn, lúa nương trên đất dốc sang cây ăn quả đến năm 2020. Đây được coi là nhiệm vụ trọng tâm, đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, chủ trương trồng cây ăn quả đã tạo ra những cánh rừng xanh, giúp giữ nước, bảo vệ đất và cải thiện hệ sinh thái. Và cao hơn nữa là Sơn La đã vươn mình trở thành vùng trồng cây ăn quả lớn nhất miền Bắc. Từ 23.602 ha cây ăn quả năm 2015, đến năm 2025, tổng diện tích cây ăn quả toàn tỉnh ước đạt 85.050 ha, sản lượng quả ước tính 510.000 tấn, tăng 219% về diện tích và 332% về sản lượng so với năm 2015. Trong đó, hơn 33.000 ha được chuyển đổi từ diện tích cây lương thực trên đất dốc và cây trồng kém hiệu quả. Cơ cấu cây trồng chuyển dịch mạnh mẽ, từ 12 loại cây chủ lực ban đầu tăng lên 25 loại, với các giống mới như nhãn Ánh Vàng 205, na SR-1, chanh leo vàng Thái Bảo, bơ Booth, mận vàng Afli. Hành trình này không chỉ thúc đẩy kinh tế mà còn mở đường cho phát triển bền vững và giảm nghèo.

Chất lượng cây ăn quả cũng được nâng cao khi diện tích đạt chứng nhận VietGAP tăng từ 126 ha năm 2015 lên 4.751 ha, gấp 37,7 lần. Nhiều giống mới cho thu hoạch rải vụ, giảm áp lực mùa chính, nâng cao giá trị sản xuất. Giá trị trung bình trên 1 ha trồng cây

ăn quả đạt 150-300 triệu đồng/năm, một số mô hình tiêu biểu đạt 400-500 triệu đồng/năm, tăng gấp 4-10 lần so với năm 2016.

Xây dựng chuỗi giá trị cây ăn quả hoàn chỉnh, từ vùng nguyên liệu, hợp tác xã, sơ chế, chế biến đến xúc tiến thương mại và xuất khẩu. Toàn tỉnh hiện có 560 nhà máy và cơ sở chế biến nông sản, trong đó có 17 nhà máy quy mô lớn. Các cơ sở sấy, kho lạnh, đóng gói góp phần kéo dài thời gian bảo quản, giảm thất thoát sau thu hoạch và giảm áp lực tiêu thụ quả tươi. Giai đoạn 2017-2025, đã thu hút đầu tư 5 nhà máy chế biến lớn, trong đó 3 nhà máy đã hoạt động ổn định như Nhà máy chế biến quả của Công ty Cổ phần Nafood Tây Bắc, Nhà máy chế biến hoa quả tươi và thảo dược Vân Hồ của Tập đoàn TH và chi nhánh Sơn La của Công ty CP Thực phẩm Xuất khẩu Đồng Giao. Các nhà máy này không chỉ tiêu thụ nguyên liệu tại chỗ mà còn chủ động phát triển vùng nguyên liệu và chuyển giao kỹ thuật cho nông dân.

Để quảng bá thương hiệu sản phẩm, Sơn La đã đẩy mạnh xúc tiến thương mại với hơn 70 hội chợ, lễ hội trái cây và Tuần lễ nông sản tại các thành phố lớn. Xoài, nhãn, mận, dâu tây của Sơn La đã có mặt tại các siêu thị lớn và trên các chuyến bay của Vietnam Airlines. Từ chỗ chưa có hoạt động xuất khẩu, đến năm 2025, tỉnh đã xuất khẩu 158.000 tấn quả tươi và chế biến, trị giá hơn 160 triệu USD, đến 15 thị trường quốc tế, với 218 mã số vùng trồng được cấp.

Chuyển đổi sang cây ăn quả không chỉ là trụ cột kinh tế mà còn góp phần giảm nghèo bền vững. Gần 34.000 hộ nghèo và cận nghèo được hỗ trợ giống, kỹ thuật để trồng cây ăn quả, tạo sinh kế ổn định. Gần 5.000 lao động có việc làm thường xuyên trong chuỗi sản xuất chế biến. Việc trồng cây lâu năm cũng giúp giữ đất, giữ nước, tăng độ che phủ rừng, cải thiện môi trường sinh thái và mở ra hướng phát triển du lịch nông nghiệp, với quan điểm "Nông nghiệp tương hỗ cho du lịch", những năm gần đây, các mô hình nông nghiệp kết hợp với du lịch sinh thái đang được hỗ trợ đẩy mạnh phát triển tại Mộc Châu, Yên Châu, Sông Mã.

Tuy nhiên, trong thực hiện vẫn còn một số hạn chế như: Hiện nay, vẫn còn tình trạng sản xuất manh mún, theo *"phong trào"* diện tích một số loại cây ăn quả sản xuất nhỏ lẻ chưa chưa đồng bộ áp dụng quy trình sản xuất, chưa bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng, chưa có truy xuất nguồn gốc rõ ràng, dẫn đến chất lượng quả chưa đồng đều, khó khăn khi mở rộng thị trường xuất khẩu.

Việc ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp, vẫn còn ở mức sơ khai, chưa đồng bộ và chưa tạo ra sự đột phá. Hệ thống cơ chế chính sách đã ban hành tương đối đồng bộ (có khoảng 60 Nghị quyết, cơ chế chính sách được ban hành), tuy nhiên hệ thống chính sách vẫn chưa mang tính tổng thể, nhiều chính sách còn mang tính ngắn hạn, thiếu cơ chế giám sát, đánh giá tác động trung và dài hạn; một số chính sách chưa bao phủ hết đối tượng thụ hưởng, nhất là vùng sâu, vùng xa; việc phân cấp tổ chức thực hiện còn chưa rõ ràng, cơ chế khuyến khích xã hội hóa đầu tư chưa đủ mạnh, chính sách chưa đề cập khoa học, sâu sắc trong mối quan hệ sản xuất giữa người dân - Doanh nghiệp - Hợp tác xã - Nhà khoa học. Công tác

đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ kỹ thuật cho người dân và hợp tác xã; vai trò trung gian của các tổ chức khoa học - công nghệ trong tư vấn, phản biện, chuyển giao kỹ thuật còn hạn chế.

2. Một số vấn đề đặt ra trong thời gian tới

Với những thành tựu đạt được trong 10 năm qua, "hiện tượng Sơn La" đã ghi dấu ấn tích cực trên thị trường trong và ngoài nước. Mục tiêu cho những năm tiếp theo là khuyến khích phát triển cây ăn quả theo hướng nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn; phát huy hiệu quả Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) và giảm phát thải khí nhà kính. Tăng cường liên kết "6 nhà" (nhà nông, nhà nước, nhà doanh nghiệp, nhà băng, nhà khoa học, nhà phân phối), với trọng tâm là liên kết giữa nhà nông và doanh nghiệp. Để đạt được mục tiêu trên, chúng ta cần quan tâm đến một số vấn đề sau:

Thứ nhất, về hệ thống chính sách hỗ trợ: Tỉnh cần sớm rà soát, tổng hợp và tích hợp các chính sách hiện hành liên quan đến phát triển cây ăn quả, đảm bảo tính đồng bộ và liên thông giữa các chương trình, nghị quyết và đề án đã ban hành. Nghiên cứu ban hành chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp (*thay thế Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 của HĐND tỉnh Sơn La về ban hành chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La*), việc này nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp và giúp tối ưu hóa nguồn lực, từ đó nâng cao hiệu quả thực thi chính sách, trong đó đề ra các chủ trương, các chính sách thu hút đầu tư, hình thành các khu, cụm công nghiệp và dịch vụ phục vụ sản xuất, chế biến và thương mại trái cây, nâng cao năng lực logistics cho các vùng chuyên canh; chính sách thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư vào hệ thống kho lạnh và chợ nông sản, xây dựng chuỗi logistics nông sản cho toàn tỉnh, mở rộng thị trường xuất khẩu, đảm bảo đầu ra bền vững để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp hàng hoá trong giai đoạn mới. Trong quá trình điều chỉnh cần bám sát định hướng mới về nông nghiệp sinh thái - nông thôn hiện đại - nông dân văn minh theo tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW và Đề án "Phát triển bền vững cây ăn quả các tỉnh vùng Tây Bắc đề năm 2030" được Bộ NNPTNT ban hành tại Quyết định số 5018 ngày 24/12/2021.

Thứ hai, Triển khai có hiệu quả nguồn vốn của các Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi... để tập trung đầu tư hệ thống đường giao thông nội đồng, tưới ẩm, điện phục vụ sản xuất, công nghệ tưới tiết kiệm nước. Hỗ trợ chính sách tín dụng và đầu tư hạ tầng cho doanh nghiệp, HTX sản xuất, chế biến và thương mại trái cây.

Thứ ba, Nâng cao chất lượng nguồn giống cây ăn quả*:* Tiếp tục xác nhận các giống cây ăn quả có năng suất, chất lượng cao thích ứng biến đổi khí hậu; tập trung bảo vệ, duy trì, phục tráng các giống đặc sản, đồng thời khảo nghiệm đưa nhanh các giống mới, chất lượng, phù hợp với chế biến và nhu cầu của thị trường; tiếp tục nghiên cứu thử nghiệm bộ giống có khả năng rải vụ thu hoạch trên địa bàn tỉnh...

Thứ tư, Tiếp tục xây dựng và quản lý mã số vùng trồng để minh bạch trong truy xuất nguồn gốc, đảm bảo sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn của các thị trường nhập khẩu; chú trọng nâng cao năng lực quản trị cho các hợp tác xã nông nghiệp, tăng cường liên kết trong sản xuất, nâng cao chất lượng các sản phẩm OCOP từ cây ăn quả, góp phần xây dựng thương hiệu nông sản Sơn La uy tín, bền vững.

Thứ năm, Đầu tư ứng dụng khoa học kỹ thuật: Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX, các hộ dân đẩy mạnh áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, giúp tăng năng suất lao động; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển theo Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Xây dựng các quy trình kỹ thuật phù hợp với điều kiện của Sơn La như tiến bộ kỹ thuật về tưới, về bón phân, cắt tỉa, rải vụ... trên cơ sở các gói kỹ thuật của Bộ ban hành; đẩy mạnh cơ giới hóa các khâu chăm sóc và thu hái; ứng dụng các quy trình công nghệ sản xuất, bảo quản, chế biến các sản phẩm cây ăn quả. Phát triển hệ thống chứng nhận chất lượng đáp ứng các yêu cầu của nước nhập khẩu.

Tổ chức nghiên cứu, đánh giá, kiểm tra sức khỏe đất trồng cây ăn quả trên phạm vi toàn tỉnh cho từng giai đoạn, làm cơ sở dữ liệu phục vụ cho sản xuất nông sản an toàn, bền vững và hiệu quả. Quy định cụ thể về trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan trong sản xuất, quản lý và tiêu thụ nông sản, đặc biệt quy trình sản xuất, quy trình kiểm tra, kiểm soát an toàn sản phẩm, chất cấm, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật... trước khi thu hái, tiêu thụ, hướng tới sản phẩn an toàn trên mọi thị trường tiêu thụ và bảo vệ sức khoẻ người tiêu dùng.

Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, khoa khọc, kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh và chuyển đổi số trong nông nghiệp. Ưu tiên đầu tư vào hạ tầng logistics lạnh và các khu chế biến nông sản hiện đại tại các cụm công nghiệp nông thôn trọng điểm, với chính sách ưu đãi về thuế và đất đai cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực này.

Khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp xanh, đặc biệt là các nghiên cứu về các biện pháp canh tác giúp tăng cường hấp thụ carbon và giảm phát thải khí nhà kính, đồng thời có cơ chế chuyển giao công nghệ hiệu quả cho người sản xuất.

Thứ sáu, Tổ chức lại vùng nguyên liệu của một số loại cây ăn quả để từ đó hình thành các vùng trồng tập trung theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, sản xuất theo hướng hữu cơ nhằm tạo ra sản phẩm an toàn. Tiếp tục rà soát kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch các vùng cây ăn quả chủ lực, hình thành vùng sản xuất chuyên canh tập trung. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân và nông dân dồn điền, đổi thửa, cho thuê đất và tích tụ ruộng đất để tổ chức sản xuất chuyên canh theo vùng tập trung các loại cây ăn quả chủ lực của tỉnh. Xây dựng vùng trồng đạt chuẩn quốc tế để phục vụ xuất khẩu.

Thứ bảy, Liên kết phát triển thị trường tiêu thụ: Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ; hỗ trợ xây

dựng thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm, gắn với mã số vùng trồng và chỉ dẫn địa lý; khuyến khích tiêu dùng nội địa; đẩy mạnh chuyển đổi số việc quảng bá, giới thiệu sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông sản ổn định, bền vững. Đẩy mạnh liên doanh, liên kết giữa chính quyền, doanh nghiệp, HTX, người dân theo chuỗi giá trị. Tăng cường liên kết, xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa các doanh nghiệp chế biến đóng trên địa bàn tỉnh, các doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm quả tươi với người sản xuất để hình thành các chuỗi liên kết bền vững, giúp bao tiêu đầu ra và kiểm soát chất lượng; mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước thông qua xúc tiến thương mại, thương mại điện tử.

Tiếp tục vận động thành lập các hợp tác xã, tổ hợp tác làm đầu mối liên kết với các doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ sản phẩm quả bền vững, nhất là các sản phẩm OCOP, chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, sản phẩm hữu cơ, có mã số vùng trồng, thương hiệu đáp ứng nhu cầu thị trường và xuất khẩu.

Thứ tám, Tăng cường kết nối nông nghiệp với du lịch, dịch vụ: Tăng cường sự kết nối trong du lịch nông nghiệp, nông thôn, hình thành các tour, tuyến chất lượng, đa dạng và hấp dẫn. Đẩy mạnh hỗ trợ các cộng đồng nông thôn làm du lịch nông nghiệp, nông thôn, thông qua các doanh nghiệp du lịch, lữ hành. Hình thành các "điểm đến vệ tinh" với các trung tâm du lịch lớn, nhằm giới thiệu, lan tỏa những mô hình du lịch nông nghiệp trải nghiệm, trong đó, chú trọng các hoạt động phát triển du lịch nông nghiệp xanh, sạch, an toàn, hữu cơ; nông nghiệp công nghệ cao, nhằm đáp ứng nhu cầu thị hiếu của du khách...

Đẩy mạnh phát triển sản phẩm du lịch sinh thái đối với các sản phẩm quả tươi đặc sản đã xây dựng được thương hiệu, có tính trải nghiệm và giá trị gia tăng cao. Đa dạng hóa loại hình kinh doanh du lịch, tạo không gian đổi mới, sáng tạo, hình thành sản phẩm mới, xanh và bền vững, gắn với xu hướng tìm về thiên nhiên, tăng tính trải nghiệm, trách nhiệm cho du khách. Chú trọng xây dựng thương hiệu và quảng bá, giới thiệu sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và phục vụ xuất khẩu.

Thứ chín, Tạo ra chuỗi liên kết vùng trong sản xuất và tiêu thụ: Đề xuất với Chính phủ và các bộ ngành tiếp tục quan tâm, ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư cho các địa phương miền núi, vùng cao xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng thiết yếu như hệ thống thủy lợi, giao thông liên vùng, giao thông nông thôn, đường nội đồng, đường vào khu sản xuất... tạo điều kiện để các vùng sản xuất cây ăn quả liên kết phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn.

Trồng cây ăn quả trên đất dốc không còn chỉ là một giải pháp sinh kế, mà đã trở thành động lực phát triển nông nghiệp bền vững và khẳng định bản sắc nông nghiệp Sơn La. Trong kỷ nguyên số và hội nhập, rất cần một tư duy mới - tổng thể hơn, chiến lược hơn - để ngành hàng này không chỉ "vượt dốc" mà còn "bứt phá", đưa Sơn La vươn lên thành biểu tượng về nông nghiệp sinh thái miền núi phía Bắc./.

Nguyễn Trung Sơn

Tài liệu tham khảo: Tài liệu Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện chủ tương của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về trồng cây ăn quả trên đất dốc

THỰC TRẠNG NĂNG LỰC SỐ CỦA THANH NIÊN HIỆN NAY

TS. Nguyễn Tuấn Anh
Viện Nghiên cứu Thanh niên

1. Đặt vấn đề

Theo Jane Secker, khái niệm năng lực số đã hình thành trong khoảng hơn 20 năm và thường được sử dụng cùng lúc với các khái niệm như kỹ năng số, năng lực thông tin, năng lực truyền thông hay năng lực học thuật (Secker, 2018). Năng lực số được xem là yếu tố sống còn để đạt đến thành công trong học tập, nghiên cứu và phát triển sự nghiệp trong tương lai (Killen, 2018). UNESCO định nghĩa năng lực số là khả năng truy cập, quản lý, hiểu, kết hợp, giao tiếp, đánh giá và sáng tạo thông tin một cách an toàn và phù hợp thông qua công nghệ số để phục vụ cho các công việc từ đơn giản đến phức tạp cũng như khởi nghiệp. Năng lực số là tổng hợp của năng lực sử dụng máy tính, năng lực công nghệ thông tin, năng lực thông tin và năng lực truyền thông" (UNESCO, 2018).

Thế giới đang bước vào kỷ nguyên của chuyển đổi số - quá trình thay đổi gắn liền với việc ứng dụng công nghệ số vào mọi mặt đời sống xã hội của con người (Henriette và cộng sự, 2015). Thế hệ trẻ, những người sinh ra trong một môi trường được bao quanh bởi công nghệ số, sẽ mang những trải nghiệm, thói quen, hành vi liên quan đến các công nghệ này vào quá trình làm việc tại các tổ chức, doanh nghiệp, nơi các công cụ chia sẻ công việc cùng với mạng xã hội ngày một thắt chặt mối quan hệ giữa người dùng với hệ sinh thái của họ.

Báo cáo khảo sát về năng lực của người trẻ trong kỷ nguyên số chỉ ra rằng nhu cầu của nhà tuyển dụng về các kỹ năng số đã tăng 200% trong ba năm vừa qua và trong vòng năm năm tới, con số này còn được dự báo sẽ tiếp tục tăng lên nhanh chóng. Tuy nhiên, những người trẻ chưa sẵn sàng với những thay đổi đó (Pangrazio, 2019). Hiện nay, chúng ta không có nhiều dữ liệu về năng lực số của sinh viên đại học cũng như nhận thức của chính họ về điểm mạnh, điểm yếu của bản thân. Định nghĩa về năng lực số và ý nghĩa của khái niệm này đối với quá trình dạy học, thực hành vẫn còn là một vấn đề gây tranh cãi (Sibson & Morgan, 2019).

2. Thực trạng năng lực số của thanh niên

Để thanh niên có nhiều cơ hội hơn trong việc tham gia vào nền kinh tế số, việc trang bị các kiến thức hiểu biết về kinh tế số nói chung và những lĩnh vực liên quan là vô cùng quan trọng và cần thiết. Thanh niên còn có nhiều thiếu hụt về kiến thức chuyên sâu về chuyển đổi số và các mô hình kinh doanh trên nền tảng số; kiến thức cơ bản về lập trình và thiết kế website thương mại điện tử; kiến thức chuyên sâu về kinh tế và kinh doanh trong môi trường toàn cầu hóa... Nếu không kịp trang bị các kiến thức này thì cơ hội cho thanh niên tham gia vào nền kinh tế số một cách hiệu quả và an toàn sẽ giảm đi đáng kể. Một nhận định gần đây của Ngô Thế Chi và Ngô Văn Lượng (2023) cho thấy, nhận

thức và kiến thức về kinh tế số của nhiều cán bộ quản lý trong các bộ, các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp và người dân chưa đồng đều, dẫn đến nhu cầu, kế hoạch và hành động cho phát triển kinh tế số chưa kịp thời được triển khai hoặc triển khai không đạt hiệu quả cao trong các ngành, các lĩnh vực, địa phương.

Nền kinh tế kỹ thuật số đòi hỏi những kỹ năng và năng lực mới. Đối với các nhà tuyển dụng, những kỹ năng được gọi là kỹ năng mềm hiện đang trở thành ưu tiên của các chuyên gia trẻ: phẩm chất cá nhân và kỹ năng xã hội, ví dụ như khả năng làm việc theo nhóm, ham học hỏi, sáng kiến, tư duy phản biện, khả năng giải quyết các vấn đề phức tạp, tương tác với những người khác nhau và ưu tiên chính xác... Theo báo cáo của Diễn đàn Kinh tế thế giới WEF (2023), việc áp dụng công nghệ sẽ vẫn là động lực chính thúc đẩy chuyển đổi kinh doanh trong năm năm tới. Trong khi máy móc và thuật toán có thể tự động hóa nhiều tác vụ lặp đi lặp lại, các công việc đòi hỏi kỹ năng của con người như sáng tạo, cộng tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề và đồng cảm sẽ tiếp tục phát triển.

Các công nghệ mới nổi như AI tạo ra đang định nghĩa lại nhu cầu của lực lượng lao động và các nhà tuyển dụng đang chú trọng hơn vào các kỹ năng "mềm". Những kỹ năng này cho phép các công ty ứng phó với sự thay đổi và tự động hóa. Các kỹ năng xã hội-cảm xúc ngày càng trở nên quan trọng trong giai đoạn 2017-2023, ngoại trừ một sự thay đổi ngắn trở lại các kỹ năng kỹ thuật trong giai đoạn thị trường lao động suy thoái do Covid-19 vào năm 2020. Những người có kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy phản biện và ra quyết định tốt sẽ có thể giải quyết những thách thức và cơ hội mà họ phải đối mặt. Kể từ cuộc khủng hoảng sức

Ảnh minh họa những năng lực số cần cho học sinh trung học (Nguồn: https://ussh.vnu.edu.vn)

khỏe và sự ra đời của hình thức làm việc từ xa, các công ty đang yêu cầu nhân viên của mình có khả năng cộng tác từ xa, dù là với đồng nghiệp, đối tác kinh doanh hay khách hàng. Các nhà tuyển dụng đang tìm kiếm những người có thể làm việc theo nhóm, giao tiếp rõ ràng và lắng nghe người khác; tìm kiếm những người lãnh đạo nhóm có khả năng giao tiếp hiệu quả, thúc đẩy và hướng dẫn người khác, giải quyết hài hoà các xung đột.

Từ Báo cáo của WEF, 10 kỹ năng hàng đầu trong số 35 kỹ năng được xác định cho năm 2015 và 2020 đã được thừa nhận rộng rãi. Hai kỹ năng "quản lý chất lượng" và "lắng nghe tích cực" của năm 2015 đã không có trong danh sách 10 kỹ năng quan trọng nhất của năm 2020, và được thay bằng "quản lý nhân sự" và "trí tuệ xúc cảm"; cùng với đó là thứ tự vị trí tầm quan trọng của các kỹ năng cũng có những thay đổi đáng kể. Chẳng hạn như "tính sáng tạo" và "tư duy phản biện" được xếp ở thứ hạng cao trong nhóm kỹ năng hàng đầu của năm 2020 (Theo ThinkTank, 2022)

Khảo sát tự cảm nhận của thanh niên về mức độ thành thạo của những kỹ năng xã hội cần có trong thời kỳ chuyển đổi số, kết quả cho thấy, mức độ thành thạo của thanh niên chỉ ở mức trung bình. Các kỹ năng xã hội mà theo cảm nhận của thanh niên là có độ thành thạo hơn là: Lắng nghe tích cực; linh hoạt trong nhận thức và hợp tác với người khác. Kỹ năng mà thanh niên đánh giá yếu nhất là quản lý nhân sự. Đáng lưu ý, những kỹ năng xã hội quan trọng như "trí tuệ xúc cảm" và "tư duy phản biện" lại không được thanh niên đánh giá là có sự thành thạo. Đây cũng là thách thức lớn và là vấn đề đặt ra trong quá trình trang bị các kỹ năng xã hội cho thanh niên bởi hai kỹ năng này là hai kỹ năng đặc thù của con người, thể hiện sự ưu việt của trí tuệ con người so với máy móc và trí tuệ nhân tạo.

Kỹ năng công nghệ thông tin nói chung đề cập đến các kỹ năng kỹ thuật số cơ bản được đại đa số người lao động sử dụng tại nơi làm việc, chẳng hạn như gõ máy tính, sử dụng phần mềm thông thường và duyệt web để tìm thông tin. Kỹ năng chuyên môn về công nghệ thông tin truyền thông chủ yếu đề cập đến các kỹ năng kỹ thuật số cần thiết để phát triển các sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin truyền thông, chẳng hạn như lập trình, thiết kế web, thương mại điện tử và các kỹ năng phân tích dữ liệu lớn và điện toán đám mây mới nhất. Kỹ năng bổ sung công nghệ thông tin đề cập đến việc sử dụng các kỹ năng hoặc nền tảng kỹ thuật số cụ thể để hỗ trợ giải quyết một số vấn đề trong công việc, như xử lý thông tin phức tạp, giao tiếp với cộng tác viên và khách hàng, cung cấp giải pháp,... Cụ thể, từ góc độ chuyển đổi số ở đầu cung của chuỗi giá trị sản phẩm, dịch vụ, nhân tài số được chia thành 6 loại: quản lý chiến lược số, phân tích chuyên sâu, nghiên cứu và phát triển sản phẩm, sản xuất tiên tiến, vận hành số và tiếp thị số...

Báo cáo "Kỹ năng cho một thế giới số" của Tổ chức Hợp tác Kinh tế và Phát triển OECD tập trung vào những kỹ năng liên quan đến công nghệ số và đưa ra những phân tích đáng chú ý (ThinkTank, 2022). Theo tổ chức này, việc gia tăng các công nghệ số trong công việc làm tăng nhu cầu về kỹ năng mới trong ba lĩnh vực gồm: (1) Kỹ năng công nghệ thông tin truyền thông chuyên nghiệp để lập trình, phát triển ứng dụng và quản lý mạng; (2) Kỹ năng công nghệ thông tin truyền thông chung để sử dụng cho các mục đích chuyên nghiệp; (3) Các kỹ năng công nghệ thông tin truyền thông bổ trợ để thực hiện các nhiệm vụ mới liên quan đến việc sử dụng công nghệ thông tin truyền thông tại nơi làm việc như xử lý thông tin, định hướng giải quyết vấn đề và liên lạc. Các kỹ năng cơ bản, kỹ thuật số cũng như các kỹ năng xã hội và cảm xúc là rất quan trọng cho phép mọi người sử dụng hiệu quả công nghệ số trong cuộc sống hàng ngày (ThinkTank, 2022). Theo, OECD "an toàn số" và "công nghệ di động" là hai kỹ năng công nghệ cần thiết nhất trong thời chuyển đổi số. Nhiều người trả lời đánh giá bảo mật thông tin trong thời đại số là hết sức quan trọng. An toàn số chính là các khía cạnh kinh tế và xã hội của an toàn không gian mạng, khác với các khía cạnh kỹ thuật thuần túy và những khía cạnh liên quan đến thực thi pháp luật hình sự hoặc an ninh quốc gia và quốc tế. Chi tiết hơn về mặt kỹ thuật thì an toàn số có nghĩa là bảo vệ máy tính, thiết bị di động, máy tính bảng và bất kỳ thiết bị kết nối Internet nào khác khỏi những kẻ xâm nhập, có thể ở dạng hack, lừa đảo... An toàn số cũng có thể được sử dụng để

bảo vệ dữ liệu cá nhân không bị các công ty sử dụng và bán. Đó cũng là việc bảo vệ các kết nối trực tuyến, từ mạng riêng ảo đến trình quản lý mật khẩu và dịch vụ giám sát danh tính. Nó nhấn mạnh vào đảm bảo cho dữ liệu, danh tính, tài sản của người dùng được an toàn. Có thể coi an toàn số là một dạng của an toàn không gian mạng. Nhiều chuyên gia trong ngành sử dụng hai thuật ngữ này thay thế cho nhau, nhưng trên thực tế, an toàn số bảo vệ thông tin và an toàn không gian mạng bảo vệ cơ sở hạ tầng, tất cả các hệ thống, mạng và thông tin (*).

Để tham gia có hiệu quả vào nền kinh tế số, bên cạnh các kỹ năng xã hội, kỹ năng công nghệ thông tin thì thanh niên còn cần phải trang bị các kỹ năng cơ bản liên quan đến các hoạt động kinh tế số. Đó là những kỹ năng làm việc, học tập hay sinh hoạt gắn với việc sử dụng các công nghệ thông tin trong môi trường số.

Kết quả khảo sát cho thấy, kỹ năng liên quan đến các hoạt động kinh tế số của thanh niên chỉ ở mức trung bình. Xem xét cụ thể thấy rằng, một số kỹ năng của thanh niên được đánh giá ở mức khá như: Kỹ năng thanh toán điện tử thông qua ví điện tử, tài khoản ngân hàng; kỹ năng sử dụng các thiết bị điện tử thông minh; mua hàng online. Các kỹ năng có mức độ thành thạo thấp, dưới mức trung bình có thể kể đến bao gồm: Phân tích và đánh giá chính sách về kinh tế số; hoạch định chiến lược; nghiên cứu và đánh giá thị trường; vận hành doanh nghiệp trên môi trường mạng.

Kết quả này cho thấy, thanh niên chưa được trang bị nhiều các kỹ năng liên quan đến xây dựng kế hoạch kinh doanh, đánh giá thị trường hay vận hành doanh nghiệp những kỹ năng rất quan trọng trong bối cảnh kinh tế số. Với việc trang bị kỹ năng như thanh niên tự đánh giá thì thanh niên sẽ có nhiều cơ hội tham gia các hoạt động kinh tế số nhưng với vai trò là người tiêu dùng là chủ yếu song để trở thành chủ doanh nghiệp, nhà quản lý thì thanh niên sẽ còn cần phải trau dồi thêm nhiều kỹ năng hơn nữa. Từ đây cũng có thể nói, cơ hội của thanh niên khi tham gia vào nền kinh tế số là có, song cơ hội cao hay thấp thì còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có nguyên nhân từ chính những kỹ năng liên quan đến kinh tế số mà thanh niên trang bị.

3. Kết luận

Có thể thấy, tỉ lệ thanh niên sử dụng công nghệ, các thiết bị thông minh ngày càng phổ biến; nhu cầu mua sắm online lớn và trở thành thói quen khó bỏ của một bộ phận lớn thanh niên hiện nay. Kiến thức và kỹ năng về chuyển đổi số nói chung (năng lực số) và kinh tế số nói riêng của thanh niên ngày càng được cải thiện nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Các kiến thức, kỹ năng trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, kinh doanh trong lĩnh vực thương mại điện tử, kinh tế số... vẫn chưa được trang bị ở một bộ phận không nhỏ thanh niên. Thanh niên có sự sẵn sàng và chủ động trong tham gia các hoạt động kinh tế số, sẵn sàng thích ứng và đối mặt với các khó khăn, thách thức mà nền kinh tế số mang lại. Nhiều cơ hội về việc làm, thu nhập của thanh niên được mở rộng. Thiết nghĩ, trong tương lai cần tập trung các nguồn lực để nâng cao năng lực số cho thanh niên, giúp đối tượng này thích ứng ngày càng tốt hơn với quá trình chuyển đổi số và phát triển kinh tế số.

Chú thích & Tài liệu tham khảo:

(*) https://mic.gov.vn/an-toan-so-trong-chuyen-doi-so-197152051.htm

(Xem tiếp trang 36)

Đức tính giản dị của Bác Hồ

Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890-1969) là một người có đức tính vô cùng giản dị. Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã viết: "Đời sống vật chất giản dị càng hòa hợp với đời sống tâm hồn phong phú, với những tư tưởng, tình cảm, những giá trị tinh thần cao đẹp nhất. Đó là đời sống thật sự văn minh mà Bác Hồ nêu gương sáng trong thế giới ngày nay" (*).

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất đề cao đức tính giản dị. Trong bài viết "Lênin và các dân tộc phương Đông" đăng trên Báo Le Paria (Người cùng khổ) ra ngày 1/7/1924, Người viết: "Không phải chỉ thiên tài của Người, mà chính là tính coi khinh sự xa hoa, tinh thần yêu lao động, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị, tóm lại là đạo đức vĩ đại và cao đẹp của người thầy, đã ảnh hưởng lớn lao tới các dân tộc châu Á và đã khiến cho trái tim của họ hướng về Người, không gì ngăn cản nổi".

Ngay sau khi nước Việt Nam giành được độc lập, tuần báo "Đây Paris" ra ngày 18/6/1946 có bài viết về đức tính giản dị của Chủ tịch Hồ Chí Minh. "Sự ăn ở giản dị đến cực độ", bài báo viết, là một đức tính rõ rệt nhất của Người. Bài báo nêu nhiều dẫn chứng để chứng minh cho nhận định đó. Chẳng hạn, quanh năm Người chỉ mặc một bộ quần áo ka-ki và từ chối thay những bộ đồ trang trọng bởi theo Người, nhân dân Việt Nam vẫn còn nhiều người thiếu áo quần trong giá rét. Trong những ngày thường, Người dùng cơm ở Bắc Bộ phủ thì Người ngồi chung với hết thảy mọi người. Từ các bộ trưởng cho đến những người phục vụ. Nhờ có đức tính giản dị của Người mà bữa ăn lúc nào cũng thân mật, cũng vui vẻ như một bữa ăn gia đình. Đức tính giản dị của Người còn biểu lộ ra trong những bài diễn văn và những bài báo. Không bao giờ Người tỏ vẻ thông thái. Trái lại, Người chỉ dùng những câu nôm na, khiến cho một người dù quê mùa, chất phác nghe cũng hiểu ngay được.

Câu chuyện về "đôi dép của Bác Hồ" nói lên sự giản dị của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được các tờ báo ở Ấn Độ và các nước khác đăng tải khi Người đến thăm đất nước này vào tháng 2/1958. Khi vừa đặt chân tới New Delhi, Người đã đến Đài tưởng niệm Mahatma Gandhi - vị lãnh tụ vĩ đại của Ấn Độ. Ngay khi Người vừa cởi dép để bước vào Đài tưởng niệm thì hàng trăm nhà báo Ấn Độ và các nước khác đã cúi xuống sờ nắn quai dép, thi nhau bấm máy từ nhiều góc độ, ghi chép về đôi dép của Người. Họ cảm phục sự giản dị của Người khi biết "đôi dép Bác Hồ" được chế tạo từ chiếc lốp ôtô quân sự của thực dân Pháp bị bộ đội ta đánh úp tại Việt Bắc vào năm 1947. Họ càng cảm phục hơn khi được biết những khi hành quân, đi thăm nhân dân và khi tiếp khách trong nước hay khách quốc tế, Người vẫn thường mang đôi dép ấy. Thủ tướng Ấn Độ Jawaharlal Nehru trong bài phát biểu chào mừng Người đã bày tỏ: "Chúng ta có dịp đón chào nhiều vị thượng khách đến từ nhiều nước, nhưng vị khách chúng ta có dịp đón chào hôm nay thật là độc đáo, vô song. Không một vị khách quý nào của chúng ta lại giản dị đến thế và chỉ nhìn thấy

Chủ tịch Hồ Chí Minh trong buổi chứng kiến Thủ tướng Kim Nhật Thành và Thủ tướng Phạm Văn Đồng ký kết Bản tuyên bố chung giữa Triều Tiên và Việt Nam vào tháng 12/1958. "Đôi dép Bác Hồ", bộ áo quần ka-ki được Người sử dụng. Ảnh: Tư liệu lịch sử.

Người là chúng ta bị cuốn hút ngay. Đây là con người có trái tim vĩ đại và được tiếp đón Người, chúng ta dường như lớn thêm lên!".

Trong bài viết đăng trên báo Akahata (cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng Cộng sản Nhật Bản) số ra ngày 5/9/1969, hai nhà báo Haramada Satomi và Yonehara Itaru cũng đã đề cập đến đức tính giản dị của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Trong dịp chúng tôi sang thăm Việt Nam năm 1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh bảo chúng tôi: "Mời các đồng chí lúc nào đến chỗ tôi chơi". Đây là một ngôi Nhà sàn bằng gỗ, giản dị và nhỏ... Quần áo của Chủ tịch Hồ Chí Minh giống như quần áo của nông dân Việt Nam vẫn thường mặc... Người đi dép không mang bít tất. Đó là loại dép cao su cắt từ lốp ô tô ra. Loại dép này Người đi từ thời gian phải leo đèo, lội suối để kháng chiến chống thực dân Pháp, hiện nay đã trở thành một thứ nổi tiếng được gọi là "đôi dép Bác Hồ". Điều đáng ngạc nhiên là khi họp Hội nghị các Đảng Cộng sản và Công nhân ở Mátxcơva đầy tuyết với trang phục như vậy, vẫn với đôi dép cao su đàng hoàng đi vào Điện Kremli, hoàn toàn như một nông dân Việt Nam chất phác... Những điều trên đây làm tôi thực sự hiểu được vì sao Chủ tịch Hồ Chí Minh được hơn 30 triệu nhân dân Việt Nam ở cả hai miền Nam, Bắc tôn kính, tin cậy và thương yêu vô hạn".

Nhà báo người Mỹ Harrison S. Salisbury sau khi được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh vào năm 1967, đã viết: "Cụ sống giản dị và khắc

khổ tại căn buồng phụ nhỏ và đơn sơ sau dinh toàn quyền cũ ở Hà Nội, rất lịch thiệp khi uống trà với khách, tặng một bông hồng đối với khách nữ, nói một câu đùa hài hước đối với khách nam".

Nhà báo người Mỹ David Halberstam trong cuốn sách viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh do Nhà xuất bản McGraw-Hill ấn hành vào năm 1971 tại New York cũng đánh giá rất cao đức tính giản dị của Người. Tác giả viết rằng Người là một người Việt Nam lịch sự, khiêm tốn, nói năng hòa nhã, không màng địa vị và luôn luôn mặc quần áo đơn giản nhất. Tuy nhiên, phong cách của Người bị giới cầm quyền ở Phương Tây chế giễu vì thiếu nghi thức quyền lực, không có đồng phục, không theo thời trang. Cho đến một ngày họ mới tỉnh ngộ và nhận thấy chính cái tính giản dị ấy, cái sùng bái sự giản dị ấy, cái khả năng hòa mình vào nhân dân ấy là cơ sở cho sự thành công trên con đường cách mạng của Người.

Vào năm 2010, bà Katherine Muller - Marin, Trưởng đại diện Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) tại Việt Nam trong lễ kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bày tỏ sự ấn tượng về hình ảnh vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam - một con người kiên cường trong bộ trang phục giản dị. "Tôi rất ấn tượng với hình ảnh của Người" - Bà Katherine Muller Marin bày tỏ./.

Nguyễn Văn Toàn

Chú thích:

(*) Phạm Văn Đồng, Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ, Nxb Văn học, Hà Nội, 1973, tr.279

THỰC TRẠNG NĂNG LỰC SỐ...

(Tiếp theo trang 33)

Change, J., & Huynh, P. (2016). ASEAN in Transformation - The Future of Jobs at Risk of Automation. In Bureau for Employers' Activities.

Henriette, Emily; Feki, Mondher; and Boughzala, Imed, "The Shape of Digital Transformation: A Systematic Literature Review" (2015). MCIS 2015 Proceedings. 10. (Https://aisel.aisnet.org/mcis2015/10)

Killen, C. (2018). Collaboration and Coaching: Powerful Strategies for Developing Digital Capabilities. In Digital Literacy Unpacked (pp. 29-44). Facet.

Secker, J. (2018). The trouble with terminology: rehabilitating and rethinking "digital literacy." In Digital Literacy Unpacked (pp. 316)

Sibson, R., & Morgan, A. (2019). Digital literacy: What is it? What proficiencies do students say they have? and What else can educators do to develop these important skills? Vision and Voice. Proceedings of the 28th Annual WA Teaching Learning Forum. Http://ctl.curtin.edu.au/events/conferences/tlf/tlf2019/contents-all.html.

ThinkTank Vinasa (2022), Việt Nam thời chuyển đổi số, NXB. Thế giới & Thái Hà Books.

Thomson, S., & De Bortoli, L. (2012). Preparing Australian students for the digital world : results from the PISA 2009 Digital Reading Literacy Assessment. Https://research.acer.edu.au/ozpisa/10

Thủ tướng Chính phủ (2020), Quyết định số 411/QĐ-TTG phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

UNESCO. (2018). A Global Framework of Reference on Digital Literacy. In UNESCO Institute for Statistics./.

HÙA CHAỪ CÔN CỘNG SẢN - TRÁI TIM NGƯỜI CỘNG SẢN

Cà Thị Hoan - Trưởng phòng tiếng dân tộc
Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh Sơn La

Bài thơ song ngữ "Haừ côn Cộng sản Trái tim người cộng sản" được giải A của tỉnh và giải C toàn quốc. Đặc biệt tác giả rất vinh được đọc bài thơ song ngữ tại Chương trình Đồng chí Tô Lâm - Tổng Bí Thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam gặp mặt đại biểu văn nghệ sỹ, năm 2024.

Tác giả bài thơ chụp ảnh với đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm và các đại biểu tại Chương trình gặp mặt đại biểu văn nghệ sĩ

Haừ côn Cộng sản (*tiếng Thái*)

Lỏ chựa cốn Việt Nam
Khỏi lâng hặc sường mướng
Đảng dỗng xùng tuấn đín
Hảư dân hung tang pày
Cón sưn nhăng cặt hạy
Khạy mương chảu hăng hánh
Dân mi quyên dệt chảu
Muôn tánh bản là mương:
Va đảy xinh pên mạy
É hảư sư pâng pài
Dài bàư puông pảy đét
Khành cả sương mạy dốm

Trái tim người Cộng sản

Là dân tộc Việt Nam
Tôi rất yêu Tổ Quốc
Đảng giơ cao bó đuốc
Soi hướng để dân đi
Xưa túng thiếu bần hàn
Nay dân mình no đủ
Dân được quyền làm chủ
Mọi công việc hàng ngày:
Nếu được sống làm cây
Tôi muốn thành cây thẳng
Phủ lá dày che nắng
Rắn chắc như gỗ lim.

Va sinh ma pên nộc
Pháư pên nộc cò kè
Ngoi chòm pu ta xiểng
Vạy dom phó phường mương
Đang thái kính pành nựa
Phố phương khày hưa dỏn
Xe cánh cốn dáư dựt
Va đảy chum pền bók
Khỏi é pên bók ban
Hưa dỏn tứm đin pu
Phổng hươn quê Tây Bắc
Ban đón xiểng sưa bươn.
Va đảy biến pên nặm
Khỏi é pền nặm bó
Púc phong quạ khào sàư
Hảư chu côn chôm áp.
Va cựt pền piếng phả
É pền pền phả puồng đón
Bìn ớn tua khuông bồn
Chu phương pháư chaư dom
Chòng phong sương pồng phải
Dương cuồng mốc côn đì
Báu pên van pền lai
Va đảy pền puồng hụa
Khỏi é dệt hụa đếch
Lọm pảy khóp đèn mương
Cẩn xấc chàn ma khảm
Hảư mương bản dú yên
Pền cốn nẳng tếnh đin
Pùn dệt côn Cộng sản
Pọ dạk cha báu dản
Pản nen chăn đìn mương
Sương lang pòng Hô Pú
Pùn tánh mương la bản
Cặm mảm húp côn chàn
Năm ven sàư Pú Hô
Pua mương Nam dỏn dáng./.

Nếu được hoá thành chim
Muốn thành bồ câu trắng
Đậu trên cao im lặng
Ngắm trông cảnh bản mường
Đang thay da đổi thịt
Xem phố phường đông nghịt
Đưa đón khách gần xa
Nếu được hoá thành hoa
Tôi muốn làm ban nở
Tô đẹp thêm xứ sở
Vùng Tây Bắc quê mình
Màu trắng tinh hơn trước.
Nếu được hoá thành nước
Tôi muốn thành nước nguồn
Rất trong và rất sạch
Tưới muôn vàn cỏ cây
Nếu được hoá thành mây
Tôi muốn thành mây trắng
Bồng bềnh bay giữa nắng
Cho muôn đời ngắm trông
Màu trắng sạch như bông
Như lòng người lương thiện
Không đen xám chút nào
Nếu được hoá thành rào
Tôi muốn làm rào sắt
Để rào chặt biên cương
Ngăn kẻ thù xâm phạm
Cho quê mình đẹp tươi.
Nếu còn sống làm người
Muốn thành người Cộng sản
Gặp khó khăn không nản
Gìn giữ lấy cơ đồ
Như Bác Hồ mong ước
Đấu tranh không lùi bước
Chống tham nhũng tham ô
Noi gương sáng Bác Hồ
Dựng cơ đồ tươi đẹp./.

PHÁT HIỆN LOÀI THẰN LẰN BÓNG MỚI CHO KHOA HỌC Ở VÙNG TÂY BẮC VIỆT NAM

PGS.TS. Phạm Văn Anh

Sinh cảnh sống của loài** Scincella ouboteri **(ảnh Nguyễn Quảng Trường)

Các nhà khoa học của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Trường Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học quốc gia Hà Nội và Vườn thú Cologne (CHLB Đức) vừa phát hiện một loài thằn lằn bóng mới với mẫu thu ở Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Sơn Ngỗ Luông, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Các nghiên cứu đã tiến hành so sánh đặc điểm hình thái và phân tích mối quan hệ di truyền giữa loài mới với các loài cùng giống phân bố ở Việt Nam, Mi-an-ma, Trung Quốc, Thái Lan, Ma-lay-si-a, Lào và Căm-Pu-Chia... Phát hiện này được công bố trên tạp chí Zootaxa (số 5428 (1): 091106).

Loài mới được đặt tên là *Scincella ouboteri,* theo chúng tôi việc đặt tên cho loài

Zootaxa 5428 (1): 091–106
https://www.mapress.com/zt/
Copyright © 2024 Magnolia Press

Article

ISSN 1175-5326 (print edition)
ZOOTAXA
ISSN 1175-5334 (online edition)

https://doi.org/10.11646/zootaxa.5428.1.4
http://zoobank.org/urn:lsid:zoobank.org:pub:56926313-1197-4221-B373-74106A09DCED

A new skink of the genus *Scincella* Mittleman, 1950 (Squamata: Scincidae) from Hoa Binh Province, northern Vietnam

ANH VAN PHAM[1], CUONG THE PHAM[2,3], MINH DUC LE[1,4,5], HAI NGO NGOC[6], THOMAS ZIEGLER[7,8] & TRUONG QUANG NGUYEN[2,3,9]

[1]*Faculty of Environmental Sciences, University of Science, Vietnam National University, 334 Nguyen Trai Road, Hanoi 11400, Vietnam.*
phamanh@hus.edu.vn; https://orcid.org/0000-0002-6023-3418
[2]*Institute of Ecology and Biological Resources, Vietnam Academy of Science and Technology, 18 Hoang Quoc Viet Road, Hanoi 10072, Vietnam.*
[3]*Graduate University of Science and Technology, Vietnam Academy of Science and Technology, 18 Hoang Quoc Viet Road, Cau Giay, Hanoi 10072, Vietnam.*
cuongtebr@gmail.com; https://orcid.org/0000-0001-5158-4526
[4]*Central Institute for Natural Resources and Environmental Studies, Vietnam National University, 19 Le Thanh Tong Street, Hanoi, Vietnam.*
le.duc.minh@hus.edu.vn; https://orcid.org/0000-0002-2953-2815
[5]*Department of Herpetology, American Museum of Natural History, Central Park West at 79th Street, New York, New York 10024*
[6]*Institute of Genome Research, Vietnam Academy of Science and Technology, 18 Hoang Quoc Viet Road, Hanoi, Vietnam;*
ngohai2709@gmail.com; https://orcid.org/0000-0001-5471-965X
[7]*AG Zoologischer Garten Köln, Riehler Strasse 173, D-50735 Cologne, Germany.*
ziegler@koelnerzoo.de; https://orcid.org/0000-0002-4797-609X
[8]*Institute of Zoology, University of Cologne, Zülpicher Strasse 47b, D-50674 Cologne, Germany.*
[9]*Corresponding author:* nqt2@yahoo.com; https://orcid.org/0000-0002-6601-0880

mới này là để vinh danh Tiến sĩ Paul E. Ouboter, Viện nghiên cứu động vật hoang dã và môi trường nhiệt đới mới (Suriname), người đã cung cấp bản tu chỉnh phân loại đầu tiên của giống *Scincella* ở Châu Á.

Loài Thằn lằn cổ ouboter (*Scincella ouboteri* Pham, Pham, Le, Ngoc, Ziegler & Nguyen, 2024) có kích thước lớn, chiều dài thân Dài thân lên tới 58,6 mm; hai vảy thái dương trước; có 34 thùy tai; hai vảy má; bảy vảy môi trên; sáu hoặc bảy vảy môi dưới; 23 đôi vảy gáy; 3032 vòng vảy quanh thân, nhẵn; 6 hàng vảy giữa lưng; 6573 hàng vảy dọc lưng; 6571 hàng vảy dọc bụng; 1012 bản mỏng dưới ngón tay IV và 1820 bản mỏng dưới ngón chân IV; lưng và đuôi nâu đồng với một sọc đốt sống màu đen, rộng bằng hai vảy lưng; có hai sọc sáng ở lưng chạy từ sau đầu đến giữa đuôi; một sọc tối chạy từ lỗ mũi đến mắt và kéo dài từ góc sau của mắt dọc theo phần trên của sườn và đuôi; sườn dưới sáng màu; bụng màu kem.

Cũng trong nhóm thằn lằn này, một loài thằn lằn bóng khác được nhóm nghiên cứu cũng đã phát hiện và mô tả mới ở tỉnh Sơn La (*Scincella truongi*) với mẫu thu ở huyện Sốp Cộp, phát hiện và mô tả loài mới này đã nâng tổng số loài thằn lằn bóng hiện biết ở vùng Tây Bắc lên 19 loài.

Đây là nhóm thằn lằn thường sống dưới thảm lá khô trong rừng thường xanh trên núi đá vôi hoặc núi đất... Vùng Tây Bắc, là nơi có địa hình đồi núi phức tạp, với nhiều dãy núi khác nhau, đây chính là điều kiện môi trường cho nhóm loài này sinh sống, do vậy các nghiên cứu tiếp theo rất có thể sẽ phát hiện thêm loài mới ở nhóm thằn lằn bóng này./.

Mẫu chuẩn loài** Scincella ouboteri**, mẫu đực
(ảnh Nguyễn Quảng Trường)

Hội thảo tư vấn tham gia ý kiến vào dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Hội thảo tư vấn tham gia ý kiến vào dự thảo luật sửa đổi, bổ sung Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi) và Luật Xử lý vi phạm hành chính

Hội thảo tư vấn, tham gia ý kiến vào dự thảo Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi)

Hội thảo tư vấn tham gia ý kiến vào dự thảo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Doanh nghiệp.

Hội thảo tư vấn, tham gia ý kiến vào dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam và Luật Ngân sách nhà nước.

Hội thảo tư vấn tham gia ý kiến vào Dự thảo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn và Luật Thanh niên; Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.